

ĐỀ TÀI KHOA HỌC

SỐ: 2.1.13-TC07

**NGHIÊN CỨU CẢI TIẾN CHẾ ĐỘ BÁO CÁO THỐNG KÊ TỔNG
HỢP ÁP DỤNG ĐỐI VỚI CỤC THỐNG KÊ TỈNH, THÀNH PHỐ
TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG**

1. Cấp đề tài : Tổng cục
2. Thời gian nghiên cứu : 2007
3. Đơn vị chủ trì : Vụ Phương pháp Chế độ thống kê
4. Đơn vị quản lý : Viện Khoa học Thống kê
5. Chủ nhiệm đề tài : CN. Đào Thị Kim Dung
6. Những người phối hợp nghiên cứu:

Ths. Nguyễn Phong	CN. Bùi Bá Cường
CN. Nguyễn Văn Vượng	CN. Vũ Văn Tuấn
CN. Nguyễn Văn Tại	CN. Nguyễn Huy Minh
CN. Phạm Quang Vinh	CN. Dương Kim Nhung
CN. Nguyễn Văn Vĩnh	CN. Nguyễn Thị Hà
TS. Lê Mạnh Hùng	CN. Chu Hải Vân
Ths. Nguyễn Bích Lâm	CN. Nguyễn Văn Khuyến
CN. Trần Thị Hằng	CN. Nguyễn Thị Thu Oanh
Ths. Đỗ Trọng Khanh	CN. Lê Hoàng Minh Nguyệt
7. Điểm đánh giá nghiệm thu đề tài: 7,5

PHẦN I
SỰ CẦN THIẾT PHẢI NGHIÊN CỨU CẢI TIẾN CHẾ ĐỘ BÁO CÁO
THỐNG KÊ TỔNG HỢP ÁP DỤNG ĐỐI VỚI CỤC THỐNG KÊ
TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG VÀ THỰC
TRẠNG CỦA CHẾ ĐỘ BÁO CÁO HIỆN NAY

I. Sự cần thiết phải nghiên cứu cải tiến chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Xuất phát từ yêu cầu lý luận của quá trình nghiên cứu thống kê

Theo nguyên lý thống kê, quá trình nghiên cứu thống kê được tiến hành qua ba giai đoạn:

- Giai đoạn thu thập thông tin.
- Giai đoạn xử lý tổng hợp thông tin thống kê.
- Giai đoạn phân tích thống kê.

Như vậy, thu thập thông tin thống kê là giai đoạn đầu tiên của quá trình nghiên cứu thống kê. Không có thông tin được thu thập thì khụng thể có tổng hợp thông tin, cũng khụng thể có phân tích thông tin thống kê. Thông tin thu thập không đầy đủ, kịp thời, chính xác thì việc tổng hợp, phân tích thông tin thống kê cũng khó mà đầy đủ, kịp thời, chính xác được và hiệu quả của hoạt động thống kê cũng không đạt được, bởi việc thu thập thông tin thống kê thường rất tốn kém và mất nhiều thời gian.

Việc thu thập thông tin thống kê được tiến hành theo 3 nguồn chủ yếu như sau:

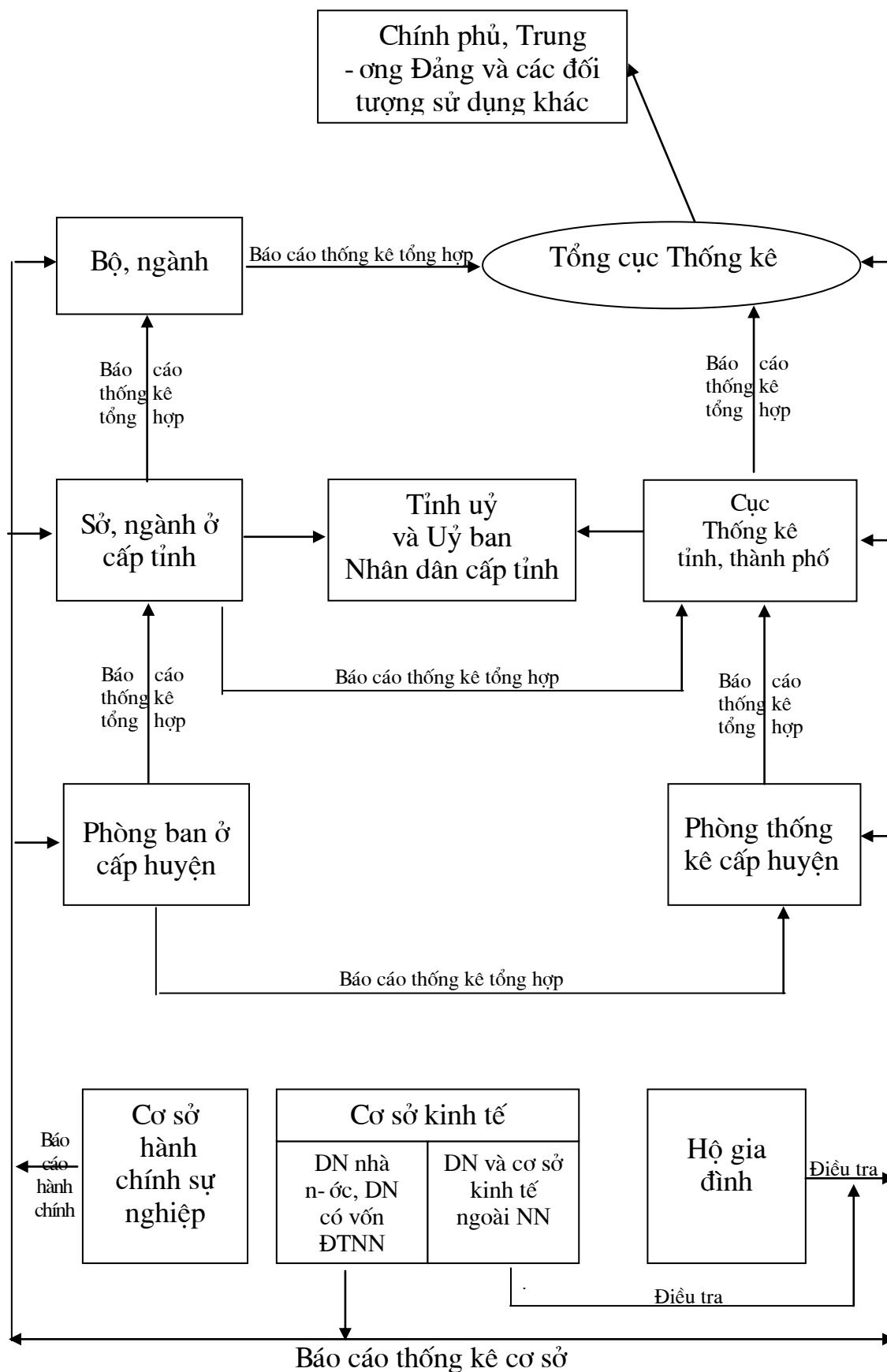
Nguồn thứ nhất, trực tiếp tổ chức các cuộc điều tra lớn (Tổng điều tra) trên phạm vi cả nước hoặc các cuộc điều tra mẫu để suy rộng trên phạm vi cả nước hoặc các cuộc điều tra chuyên đề, trọng điểm.

Nguồn thứ hai, thu thập thông tin từ kênh ngành dọc thông qua chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Các thông tin thu thập từ kênh này chủ yếu là các thông tin trực tiếp liên quan đến sản xuất kinh doanh, trong đó có các doanh nghiệp và thông tin trực tiếp liên quan đến hộ gia đình. Các thông tin này được thu thập bằng chế độ báo cáo thống kê cơ sở áp dụng đối với các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; bằng các cuộc điều tra áp dụng đối với các doanh nghiệp ngoài nhà nước (hợp tác xã, doanh

ng nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh), các trang trại, tổ sản xuất hộ và cơ sở cá thể khác.

Nguồn thứ ba, là thông tin từ kênh Bộ/ ngành, thông qua chế độ báo cáo thống kê tổng hợp do Thủ tướng Chính phủ ban hành áp dụng đối với các Bộ, ngành. Các thông tin từ kênh này chủ yếu là các thông tin được tổng hợp từ các hồ sơ hành chính, được tổng hợp thông qua chế độ báo cáo thống kê do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ ban hành áp dụng đối với các Sở, ngành ở cấp tỉnh; trong một số trường hợp, còn phải thông qua các cuộc điều tra thống kê để thu thập thông tin từ các tổ chức, cá nhân ngoài các cơ quan, đơn vị sự nghiệp nhà nước (y tế, giáo dục ngoài công lập, cơ sở tôn giáo, ...).

Tổng lược đồ thu thập thông tin thống kê:



2. Xuất phát từ việc phân cấp và yêu cầu quản lý của Trung ương đối với cấp tỉnh

Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992- chương IX, Điều 118- có quy định như sau:

Các đơn vị hành chính của nước Cộng hòa xã hội Việt Nam được phân chia như sau:

- + Nước chia thành tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- + Tỉnh chia thành huyện, thành phố thuộc tỉnh và thị xã, thành phố thuộc Trung ương chia thành quận, huyện và thị xã;
- + Huyện chia thành xã, thị trấn; thành phố thuộc tỉnh, thị xã chia thành phường và xã; quận chia thành phường.

Điều 120 cũng đã ghi rõ: căn cứ vào Hiến pháp, Luật, văn bản của cơ quan Nhà nước cấp trên, Hội đồng nhân dân ra nghị quyết về các biện pháp bảo đảm thi hành nghiêm chỉnh Hiến pháp và pháp luật ở địa phương; về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách; về quốc phòng, an ninh ở địa phương; về biện pháp ổn định và nâng cao đời sống của nhân dân, hoàn thành mọi nhiệm vụ cấp trên giao, làm tròn nghĩa vụ đối với cả nước.

Điều lệ Đảng cộng sản Việt Nam tại Điều 10 đã quy định: Hệ thống tổ chức của Đảng được lập tương ứng với hệ thống tổ chức hành chính của Nhà nước. Điều 19 cũng đã quy định: “cấp uỷ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi tắt là Tỉnh uỷ, Thành uỷ), cấp huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (gọi tắt là Huyện uỷ, Quận uỷ, Thị uỷ, Thành uỷ) lãnh đạo thực hiện nghị quyết đại hội đại biểu; nghị quyết chỉ thị của cấp trên”. “Hội nghị Tỉnh uỷ, Thành uỷ, Huyện uỷ, Quận uỷ, Thị uỷ ba tháng một lần”.

Như vậy, việc xây dựng Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh xuất phát từ hai yêu cầu:

- Yêu cầu của Lãnh đạo, của Trung ương Đảng, của Chính phủ, của các Bộ, ngành. Yêu cầu này chủ yếu là những thông tin mà cấp tỉnh phải báo cáo cho cấp Trung ương, cũng là những thông tin mà cấp Trung ương có thể quản lý điều hành đối với cấp tỉnh.

- Bản thân yêu cầu của cấp tỉnh. Yêu cầu của cấp tỉnh được thể hiện ở các mục tiêu do Đại hội Đảng cấp tỉnh đề ra trong nhiệm kỳ, đề ra hàng năm; các mục tiêu do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đề ra trong nhiệm kỳ và hàng năm.

3. Xuất phát từ yêu cầu pháp lý về mặt thống kê

Theo Nghị định 40 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê cụ thể như sau: Thông tin thống kê do hệ thống tổ chức

thống kê tập trung trực tiếp thực hiện và tổng hợp từ thông tin thống kê do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao. Theo quy định tại điều 7 Luật Thống kê, bao gồm:

1) Thông tin thống kê do hệ thống tổ chức thống kê tập trung ở cấp tỉnh, cấp huyện và Tổng cục Thống kê trực tiếp thực hiện.

2) Thông tin thống kê được tổng hợp từ chế độ báo cáo thống kê tổng hợp do Thủ tướng Chính phủ ban hành áp dụng cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ.

3) Thông tin thống kê do Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao cung cấp cho Tổng cục Thống kê để tổng hợp phục vụ quản lý chung của nhà nước.

Trong Quyết định số 305/TTg ngày 24/11/2005 ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, Thủ tướng Chính phủ đã giao cho Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê quy định Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã. Trên cơ sở những chỉ tiêu này, để ban hành chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Cục Thống kê tỉnh, thành phố.

II. Thực trạng của chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với các Cục thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hiện nay

Việc nghiên cứu thực trạng chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với các Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trên cơ sở đó khắc phục những hạn chế của chế độ báo cáo thống kê này một lần nữa càng khẳng định sự cần thiết phải nghiên cứu cải tiến chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

1. Thực trạng chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương của từng các ngành

Trước thời kỳ đổi mới, do yêu cầu quản lý của cơ chế kế hoạch hoá tập trung, bao cấp, chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với Cục Thống kê tỉnh, thành phố: khá đồ sộ và toàn diện, vì bản thân cấp tỉnh có hàng nghìn hợp tác xã thuộc các ngành khác nhau, có hàng trăm, hàng nghìn doanh nghiệp trực thuộc và hàng chục, hàng trăm cơ sở kinh tế, hành chính sự nghiệp do Trung ương quản lý đóng tại tỉnh, thành phố.

Trong thời kỳ này, phải có những báo cáo phục vụ cho việc xét duyệt hoàn thành kế hoạch nhà nước, quyết toán vật tư, cấp phát tem phiếu định lượng đối với hàng chục mặt hàng, với từng loại của nhiều đối tượng khác nhau. Đối với khu vực nhà nước, các đối tượng này không chỉ là cán bộ, công

nhân viên chức mà cả gia đình của họ. Đối với hợp tác xã ở cấp xã, cấp huyện còn phải cân đối giữa sản xuất với thu mua, duyệt phương án ăn chia cho từng hợp tác xã. Đối với các hợp tác xã phi nông nghiệp còn phải cân đối giữa sản xuất sản phẩm với vật tư và tem phiếu. Các chỉ tiêu liên quan đến rất nhiều lứa tuổi, từ khi sinh ra đến khi mất đi. Đối với các cơ quan hành chính sự nghiệp và doanh nghiệp, còn phải thống kê cả bếp ăn tập thể, sản xuất tự túc,...

Cơ chế chuyển đổi từ kế hoạch hoá tập trung, bao cấp sang cơ chế thị trường đã làm thay đổi cơ bản yêu cầu quản lý cũng như yêu cầu đối với thông tin thống kê. Đối với thông tin thống kê, một mặt, số lượng đơn vị cung cấp thông tin trên địa bàn tỉnh tăng lên rất nhiều, không chỉ có doanh nghiệp nhà nước hay hợp tác xã, mà có hàng chục, hàng trăm nghìn hộ cá thể; có hàng trăm nghìn thậm chí hàng chục nghìn doanh nghiệp ngoài nhà nước cùng hàng chục, hàng trăm doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Mặt khác, nhu cầu thông tin cũng được mở rộng ra nhiều đối tượng sử dụng, không chỉ là cơ quan quản lý nhà nước.

Căn cứ vào Pháp lệnh Kế toán và Thống kê, năm 2002 và 2003 Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê đã ban hành Chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương của các chuyên ngành sau:

A. Phần Lao động thu nhập

- Chế độ báo cáo thống kê định kỳ Lao động thu nhập thuộc loại hình kinh tế nhà nước (theo QĐ số 633/2003/QĐ-TCTK ngày 29/10/2003).

- Chế độ báo cáo thống kê định kỳ Lao động thu nhập áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội thuộc kinh tế nhà nước do Trung ương và các tỉnh, thành phố quản lý (theo QĐ số 634/2003/QĐ-TCTK ngày 29/10/2003).

Lao động thu nhập của khu vực doanh nghiệp thì căn cứ vào chế độ báo cáo thống kê cơ sở áp dụng đối với doanh nghiệp nhà nước do Cục Thống kê thu thập Tổng hợp, trong cơ chế thị trường thì số lượng doanh nghiệp nhà nước dần giảm đáng kể, mà số lượng doanh nghiệp tư nhân vừa và nhỏ ngày càng tăng lên gấp bội từ đó việc thu thập số liệu lao động thu nhập thực hiện theo chế độ này không còn nhiều ý nghĩa nữa. Thực tế, ngoài lương cơ bản còn rất nhiều khoản thu nhập khác không thống kê được, nên lao động thu nhập của khu vực doanh nghiệp nhà nước có thể thu thập được nhưng thấp nhiều so với thực tế.

Lao động thu nhập của các đơn vị là cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp... thì áp dụng chế độ báo cáo thống kê định kỳ (theo QĐ số 634/QĐ-TCTK...) để thu thập, tổng hợp. Thực tế các đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh/thành phố không báo cáo cho Cục Thống kê, nên nguồn thông tin này các tỉnh/thành phố không thể thu thập, tổng hợp và báo cáo cho Tổng cục. Để có nguồn số liệu trên Vụ Thống kê Dân số và Lao động phải thu thập nguồn số liệu này từ Bộ, ngành chủ quản thông qua thực hiện chế độ báo cáo này.

B. Phần Tài khoản quốc gia

Chế độ báo cáo thống kê định kỳ Tài khoản quốc gia áp dụng đối với Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (theo QĐ số 75/2003/QĐ-TCTK ngày 15/01/2003).

Bao gồm 16 biểu và chủ yếu là báo cáo ước năm, chính thức năm về cơ bản đã cung cấp đầy đủ những thông tin cần thiết phục vụ cho việc tính toán các chỉ tiêu tổng hợp.

- Những chỉ tiêu: giá trị sản xuất, chi phí trung gian, giá trị tăng thêm, cân đối sản phẩm trồng trọt, cân đối sản phẩm chăn nuôi, giá trị tài sản cố định của các doanh nghiệp nhà nước và của đơn vị cơ quan hành chính sự nghiệp về cơ bản có nguồn số liệu đó là dựa vào chế độ báo cáo thống kê cơ sở định kỳ áp dụng đối với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, điều tra doanh nghiệp hàng năm, điều tra cá thể ... để có thể thu thập tính toán được các chỉ tiêu trên thì cũng cần thống nhất thời điểm điều tra và phạm vi thu thập của các chuyên ngành với các chỉ tiêu tài khoản quốc gia đó là: theo hoạt động và theo địa bàn.

- Một số chỉ tiêu như: Dư nợ huy động vốn và đi vay của ngân hàng, doanh số cho vay, thu nợ dư nợ tín dụng ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của ngân hàng, tổng thu, chi ngân sách nhà nước tỉnh/thành phố, cân đối ngân sách địa phương thực tế không có cơ sở pháp lý việc thu thập những số liệu trên Cục Thống kê vẫn phải sang xin từ các Sở, ngành trong tỉnh để tính toán gửi cho Tổng cục. Nhiều năm nay Vụ tài khoản quốc gia đã nghiên cứu, dự thảo chế độ báo cáo trình lãnh đạo Tổng cục Thống kê, Lãnh đạo Bộ Tài chính, Lãnh đạo Ngân hàng nhà nước ký Thông tư liên tịch về cung cấp số liệu giữa các Bộ, ngành nhưng không được nhất trí, tức là chưa tạo cơ sở pháp lý để Ngân hàng nhà nước báo cáo cho Tổng cục Thống kê, nên ở Trung ương (Tổng cục) vẫn phải xin số liệu, ở cấp tỉnh, các Cục Thống kê cũng phải đi xin số liệu từ các Sở, ban ngành và đây là công việc rất khó khăn cho Cục Thống kê, song còn không biết số liệu đó có chính xác không?

hơn thế nữa số liệu này không bảo đảm tính pháp lý vì là “xin” không có dấu đỏ và người đại diện ký, mà Cục Thống kê vẫn phải tổng hợp để sử dụng số liệu này và báo cáo cho Tổng cục. Chính từ những lý do như vậy cần nghiên cứu cải tiến chế độ báo cáo này, để tạo hành lang pháp lý cho các Cục Thống kê thu thập số liệu của lĩnh vực này nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý của chính quyền địa phương, đồng thời không phải báo cáo cho cơ quan Tổng cục, từ đó giảm bớt gánh nặng cho Cục Thống kê tỉnh/thành phố.

C. Phần Công nghiệp và Xây dựng

1) Chế độ báo cáo thống kê định kỳ Công nghiệp áp dụng đối với Cục Thống kê tỉnh, thành phố (theo QĐ số 735/2002/QĐ-TCTK ngày 15/11/2002).

2) Chế độ báo cáo thống kê định kỳ Vốn đầu tư và xây dựng áp dụng đối với Cục Thống kê tỉnh, thành phố (theo QĐ số 733/2002/QĐ-TCTK ngày 15/11/2002, ở đây chỉ nói riêng về phân xây dựng).

Kết quả đạt được như sau:

a) Ngành Công nghiệp: đã loại bỏ cơ bản các chỉ tiêu phục vụ cho quản lý vi mô, bảo đảm ngày càng phù hợp với cơ chế quản lý nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế của Đảng và Nhà nước bao gồm: 14 chỉ tiêu, thiết kế thành 13 biểu chia ra 2 loại: báo cáo nhanh (ước tính) tháng và báo cáo chính thức năm.

Ngành Xây dựng bao gồm 3 chỉ tiêu, thiết kế thành 4 biểu chia ra 2 loại: báo cáo nhanh (ước tính) tháng và báo cáo chính thức năm. Chế độ báo cáo này nhằm phục vụ công tác quản lý ở tầm vĩ mô, kỳ hạn báo cáo hợp lý, số lượng biểu mẫu gọn nhẹ giảm gánh nặng cho Cục thống kê tỉnh, thành phố.

b) Phương pháp tính

- Về Công nghiệp: đã sửa đổi phù hợp với nội dung của nền kinh tế thị trường và theo phương pháp luận của hệ thống tài khoản quốc gia như: thay đổi nhóm chỉ tiêu giá trị tổng sản lượng, tiêu hao vật chất, thu nhập thuần túy bằng nhóm chỉ tiêu giá trị sản xuất, chi phí trung gian, giá trị tăng thêm và cũng từ đó về phương pháp tính cũng được thay đổi tương ứng.

- Về Xây dựng:

+ Phạm vi: đã thu thập và tính toán cho cả khu vực xây dựng tự làm của các địa phương, xã phường (xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn như công trình giao thông, thủy lợi, điện, nước, nhà văn hoá, trạm y tế) và xây dựng của hộ gia đình dân cư thông qua điều tra mẫu về hoạt động xây dựng của cả 2 khu vực này.

+ Phương pháp tính: đã chuyển tính giá trị sản xuất từ doanh thu hoặc từ khối lượng công việc (X) nhân với đơn giá dự toán, sang tính bằng chi phí sản xuất, lợi nhuận định mức và thuế giá trị gia tăng phải nộp. Đối với một số khu vực tự làm hoặc thuê thợ cá thể làm công thì chuyển đổi từ cách tính trực tiếp không chính xác sang cách tính gián tiếp thông qua chủ đầu tư bảo đảm tính sát thực hơn.

Những hạn chế, tồn tại như sau:

a) Mới chỉ đáp ứng được yêu cầu quản lý của Trung ương, nếu tỉnh, thành phố cần thì phải tự thu thập và tính toán đáp ứng yêu cầu quản lý điều hành của địa phương.

b) Cần bổ sung thêm chỉ tiêu về khu công nghiệp, khu chế xuất, bảo vệ môi trường, kể cả thông tin về đánh giá hiệu quả sản xuất công nghiệp trên địa bàn.

c) Tính giá trị sản xuất theo giá cố định là cơ sở đánh giá tốc độ tăng trưởng cho đến nay đã quá lạc hậu không phù hợp với thông lệ quốc tế. Hoặc phương pháp tính chỉ tiêu vốn, tài sản ngành công nghiệp vừa theo hình thức sử dụng, hình thức sở hữu dẫn tới tính trùng phần vốn, tài sản và cho vay chiếm dụng vốn giữa các doanh nghiệp. Do đó việc tính toán một số chỉ tiêu về hiệu quả vốn, cơ cấu tài sản, trang bị tài sản cố định cho lao động, hệ số đổi mới tài sản cố định ... còn kém chính xác.

Phần xây dựng với 3 chỉ tiêu: giá trị sản xuất theo giá thực tế, diện tích nhà ở xây dựng hoàn thành và số lượng doanh nghiệp xây dựng hạch toán độc lập thực tế là chưa đủ để đánh giá nhịp độ phát triển của sản xuất, cũng như hiệu quả và phát triển ổn định của ngành xây dựng. Do đặc điểm của ngành này luôn thay đổi địa điểm của sản phẩm và hoạt động tự làm của các chủ đầu tư, khi công trình hoàn thành thì đơn vị thi công cũng giải thể. Thực tế quy định về quy trình tính, phương pháp tính một số chỉ tiêu của loại hình kinh tế cá thể gần giống đối với doanh nghiệp nhà nước quá nặng nề là không phù hợp, các chủ đầu tư tự làm. Một số chỉ tiêu của lĩnh vực này tính chưa đủ phạm vi. Ngoài ra chỉ tiêu của chế độ báo cáo cơ sở với chế độ báo cáo thống kê tổng hợp này là chưa phù hợp như chỉ tiêu: diện tích nhà ở xây dựng hoàn thành có trong chế độ báo cáo thống kê tổng hợp nhưng không có trong chế độ báo cáo thống kê cơ sở mà chế độ báo cáo thống kê cơ sở chỉ áp dụng đối với khu vực nhà nước. Chỉ tiêu giá trị sản xuất của ngành xây dựng yêu cầu phải tổng hợp đầy đủ các thành phần kinh tế, nhưng chế độ báo cáo thống kê cơ sở lại không có đối với khu vực cá thể và chủ đầu tư tự làm của các cấp xã, phường...

d) Thời hạn báo cáo chưa hợp lý

- Báo cáo nhanh: chậm nhất là ngày 17 hàng tháng là quá sớm trong khi Vụ Thống kê Công nghiệp và xây dựng xử lý từ ngày 18 đến ngày 22, còn Tổng cục xử lý từ ngày 23 đến ngày 28 cũng là quá dài. Do vậy đề nghị cải tiến thời gian trên đề nghị kéo dài thời gian thu thập ở Cục Thống kê và rút ngắn thời gian xử lý ở Tổng cục.

- Báo cáo chính thức, thời hạn quy định báo cáo càng bất hợp lý hơn

Quy định cho báo cáo chính thức năm của cấp tỉnh, thành phố chậm nhất là ngày 30/6 năm sau, nghĩa là sau khi kết thúc năm 6 tháng Cục Thống kê phải gửi tổng hợp báo cáo đầy đủ về Tổng cục Thống kê. Trong 6 tháng đó, Cục Thống kê phải thu thập đầy đủ thông tin từ cơ sở mà thông tin chính thức này từ cơ sở phổ biến phải sau khi kết thúc năm là từ tháng 3 đến tháng 4 và cũng chính là thời gian mà các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế hoàn tất báo cáo quyết toán năm. Đối với các tỉnh, thành phố có số lượng đơn vị cơ sở lớn như: Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương, Hải Phòng, Đà Nẵng... Chỉ có 2 đến 3 tháng vừa thu thập, tổng hợp lập báo cáo gửi đi là khoảng thời gian quá ngắn không bảo đảm yêu cầu đầy đủ và chính xác của số liệu. Trong khi đó, thời gian xử lý số liệu ở Tổng cục bắt đầu từ tháng 7 đến tháng 4 năm sau, thậm chí có năm đến tháng 6 năm sau mới công bố trên niên giám đầy đủ. Như vậy thời gian xử lý ở Tổng cục là 10 tháng (có năm kéo dài đến 12 tháng), đây là một nghịch lý ở việc quy định thời hạn báo cáo tổng hợp áp dụng cho Cục Thống kê tỉnh, thành phố cũng đồng nghĩa với thời gian thu thập xử lý quá ngắn, nên không đủ thời gian để kiểm tra, thu thập đầy đủ dẫn đến số liệu báo cáo còn nhiều sai sót và khi gửi về Tổng cục không sử dụng được ngay mà những số liệu này lại phải chuyển về cho Cục Thống kê bổ sung, chỉnh sửa làm kéo dài thời gian phải xử lý trên Tổng cục, như vậy cũng làm khó khăn thêm cho các Cục Thống kê tỉnh, thành phố khi phải bổ sung, chỉnh lý lại số liệu đã báo cáo. Chính việc quy định thời hạn gửi báo cáo trong chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng cho Cục Thống kê tỉnh, thành phố mang tính chủ quan, thiếu thực tiễn, muốn có nhanh số liệu chính thức, nhưng kết quả ngược lại với mong muốn và đã làm mất thời gian nhiều hơn, phải kéo dài thêm thời gian xử lý cho cả cấp tỉnh và Tổng cục do số liệu của cấp tỉnh, thành phố chưa bảo đảm độ tin cậy đã phải gửi đi.

Chế độ báo cáo hiện hành này chưa thể hiện được đầy đủ những yêu cầu hiện tại và còn chưa phù hợp giữa chế độ báo cáo cơ sở, điều tra với chế độ báo cáo thống kê tổng hợp này: do chế độ này ban hành từ 2002 không còn phù hợp với tình hình biến đổi của mọi hoạt động trong nền kinh tế, bên cạnh

đó đến năm 2005 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và chính đây là cơ sở cho việc ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã và là cơ sở cho việc nghiên cứu, cải tiến ban hành chế độ báo cáo thống kê tổng hợp này. Ngoài ra do trình độ công nghệ thông tin của ngành Thống kê đã có bước phát triển nhất định, cùng với trình độ và năng lực quản lý của bộ máy nhà nước cũng được nâng lên, cơ chế quản lý được đổi mới, quá trình hội nhập quốc tế được phát triển. Do đó nhu cầu thông tin của các đối tượng dùng tin trong nước và quốc tế đều có thay đổi theo hướng tăng lên và yêu cầu chuẩn hoá, nâng cao tính so sánh quốc tế. Chính điều đó sẽ tác động trực tiếp đến nội dung và hình thức của chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Cục Thống kê tỉnh, thành phố.

Tóm lại chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Cục Thống kê tỉnh, thành phố trong lĩnh vực Công nghiệp và xây dựng hiện hành đang tồn tại những vấn đề hết sức cơ bản. Những tồn tại đó đã và đang làm hạn chế hiệu lực và giá trị các báo cáo của Cục Thống kê. Thực trạng này đang đòi hỏi phải nhanh chóng sửa đổi nhằm đáp ứng đầy đủ, kịp thời nhu cầu thông tin trong tình hình mới mà cấp tỉnh, thành phố đặt ra.

D. Phần Nông, lâm nghiệp và thủy sản

Chế độ báo cáo thống kê tổng hợp định kỳ nông, lâm nghiệp và thủy sản áp dụng đối với Cục Thống kê tỉnh, thành phố (theo QĐ số 657/ 2002/QĐ-TCTK ngày 2/10/2002).

Kết quả đạt được như sau:

- Đã có đủ thông tin cơ bản về Hợp tác xã nông, lâm nghiệp và thủy sản; Trang trại; Số lượng doanh nghiệp nhà nước nông, lâm và thủy sản; Diện tích, năng suất, sản lượng từng cây và nhóm cây; Chăn nuôi; Lâm nghiệp; Thủy sản để đánh giá diễn biến về điều kiện sản xuất đến kết quả sản xuất bao gồm cả chỉ tiêu về hiện vật và giá trị nên đã đáp ứng được yêu cầu thông tin của nhiều đối tượng sử dụng. Để giảm thiểu công việc cho các địa phương, một số thông tin đã được loại bỏ, bao gồm những biểu báo cáo và những chỉ tiêu không cần thiết như: số hộ, số nhân khẩu và lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản hoặc đã do Bộ, ngành khác thu thập như: diện tích các loại đất do Bộ Tài nguyên Môi trường thu thập hoặc được giao cho đơn vị khác trong Tổng cục thực hiện như: chi phí trung gian, giá trị tăng thêm của ngành Nông, lâm nghiệp và thủy sản sẽ do Vụ Hệ thống Tài khoản quốc gia thu thập, tổng hợp. Bên cạnh đó, chế độ báo cáo mới đã nghiên cứu, bổ sung thêm biểu và một số chỉ tiêu như: trang trại, hợp tác xã, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, chương trình trồng 5 triệu ha rừng, đánh bắt thủy sản xa

bờ. Do vậy, tuy số lượng biểu báo cáo giảm đi, nhưng nội dung thông tin được bảo đảm đáp ứng được yêu cầu của người sử dụng tin. Nội dung thông tin trong chế độ báo cáo khá phù hợp với yêu cầu của người dùng tin trong giai đoạn hiện nay.

- Đã bảo đảm tính kịp thời, đầy đủ: đó là trong báo cáo đã quy định rõ thời điểm như: số liệu ước tính, số liệu sơ bộ, số liệu chính thức, cơ sở dữ liệu, các báo cáo phân tích chuyên đề sâu. Các thông tin phát sinh trong năm cũng được chia theo nhiều kỳ báo cáo: tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng và năm các thông tin ước tính cả năm khi mới diễn ra được 9 tháng. Những thông tin quan trọng được báo cáo và tổng hợp phân theo các địa phương và theo nhiều kỳ hạn khác nhau như:

+ Diện tích, năng suất và sản lượng cây hàng năm: được tổng hợp, báo cáo từng vụ (vụ đông xuân, vụ hè thu, vụ mùa và cả năm), trong mỗi vụ sản xuất sẽ có các số liệu ước tính, số liệu sơ bộ và số liệu chính thức.

+ Diện tích, năng suất và sản lượng cây lâu năm: được báo cáo ước tính vào tháng 9 năm báo cáo, chính thức vào tháng 1 năm sau.

+ Giá trị sản xuất từng ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản: được báo cáo nhiều lần: ước tính 6 tháng vào tháng 5, sơ bộ năm vào tháng 11 và chính thức vào tháng 3 năm sau.

+ Các chỉ tiêu về lâm nghiệp: Trồng rừng, chăm sóc, nuôi dưỡng rừng; khai thác gỗ và lâm sản; thiệt hại rừng được báo cáo và tổng hợp 3 kỳ: ước 6 tháng vào tháng 5, ước năm vào tháng 9 và chính thức năm vào tháng 3 năm sau.

+ Một số chỉ tiêu thủy sản cũng được báo cáo 3 kỳ hạn tương tự như các chỉ tiêu lâm nghiệp bao gồm: nuôi trồng thủy sản, sản lượng sản phẩm ngành thủy sản. Riêng chỉ tiêu đánh bắt xa bờ được báo cáo ước năm vào tháng 9 và báo cáo chính thức vào tháng 3 năm sau.

- Về cơ bản các khái niệm, nội dung và phân tổ các chỉ tiêu trong chế độ báo cáo đã được hoàn thiện đảm bảo sự thống nhất giữa Trung ương và địa phương, giữa Tổng cục với Bộ, ngành đồng thời bảo đảm tính so sánh quốc tế về chỉ tiêu chủ yếu. Bên cạnh đó việc hướng dẫn để các tỉnh, thành phố thực hiện thống nhất, Tổng cục đã giới thiệu chế độ báo cáo này tới Bộ, ngành liên quan cũng như các tổ chức quốc tế để nắm được hệ thống chỉ tiêu báo cáo, khái niệm và thời gian thu thập, báo cáo. Bên cạnh việc giải thích rõ ràng và phân tổ phù hợp, một ưu điểm khác trong chế độ báo cáo hiện hành là từng chỉ tiêu đều được nêu rõ về phương pháp tính và nguồn số liệu. Đây là yếu tố đặc biệt quan trọng góp phần đảm bảo tính thống nhất và nâng cao chất lượng

số liệu trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản. Ngoài ra, việc kế thừa những ưu điểm của chế độ báo cáo cũ và tiếp thu có chọn lọc những khái niệm cũng như phương pháp tính toán các chỉ tiêu đã góp phần đảm bảo được tính so sánh theo thời gian, theo các vùng lãnh thổ và nhiều thông tin đã đáp ứng được yêu cầu so sánh quốc tế.

Những hạn chế, tồn tại như sau:

- Cần sửa đổi nội dung, phạm vi ngành kinh tế trong chế độ báo cáo thống kê tổng hợp này cho phù hợp với Hệ thống ngành kinh tế quốc dân mới ban hành (QĐ số 10/2007QĐ-TTg ngày 23/ 01/ 2007).

- Việc quy định loại hình kinh tế chưa bảo đảm tính thống nhất và rõ ràng dẫn tới các địa phương hiểu chưa thống nhất nên khi thu thập tổng hợp số liệu ở từng địa phương chưa hợp lý và không sử dụng được số liệu.

- Hệ thống thông tin thu thập qua chế độ báo cáo chưa thật toàn diện cụ thể như:

+ Mới chỉ đáp ứng được số lượng cây, con, sản phẩm chủ yếu ... nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu thông tin đa dạng và phức tạp đòi hỏi rất chi tiết theo con giống, phẩm cấp sản phẩm... nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng ngày càng cao trong nước và xuất khẩu.

+ Phân tổ sản phẩm còn đơn giản, lượng thông tin chưa nhiều, ví dụ: chỉ tiêu về chăn nuôi chủ yếu là số lượng, sản phẩm hiện vật, thiếu các chỉ tiêu phản ánh chi tiết về giới tính, nhóm tuổi, giống, phẩm cấp sản phẩm... và hiệu quả kinh tế cũng như việc áp dụng các biện pháp khoa học công nghệ mới trong chăn nuôi như chăn nuôi giống mới, chăn nuôi lợn hướng nạc, gà siêu thịt, vịt siêu trứng nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng sản phẩm chăn nuôi ngày càng cao trong nước và xuất khẩu. Đồng thời, trong hệ thống chỉ tiêu cũng chưa bổ sung thêm 1 số loại vật nuôi, sản phẩm chăn nuôi mới như rắn, đà điểu, gấu lấy mật, hươu lấy nhung... Đáp ứng nhu cầu thông tin đa dạng, phong phú, nhanh nhạy và đòi hỏi chất lượng ngày càng cao trong nền kinh tế thị trường và so sánh hội nhập quốc tế.

- Hệ thống thông tin thu thập qua chế độ báo cáo chưa bảo đảm tính kịp thời, cụ thể như:

+ Chưa đồng đều giữa các ngành, các nhóm chỉ tiêu như: Các chỉ tiêu về diện tích, năng suất, sản lượng một số cây hàng năm chủ yếu (lúa, ngô) thì được thu thập và báo cáo khá đầy đủ cả về kỳ hạn: vụ, năm. Nhưng đối với các loại cây lâu năm (chè, cà phê, cao su, tiêu, điều), cây ăn quả, sản lượng chăn nuôi, thủy sản, khai thác gỗ, lâm sản chủ yếu mới thu thập thông qua

điều tra 1 năm /1 lần (ước năm vào tháng 9, sơ bộ vào tháng 12 và chính thức vào tháng 3 năm sau). Do vậy thiếu thông tin đánh giá về sản xuất các sản phẩm này vào các tháng, quý, 6 tháng đầu năm.

- Về khái niệm, nội dung, nguồn thông tin một số chỉ tiêu chưa đầy đủ, rõ ràng, cụ thể như sau:

+ Việc quy định về khái niệm, nội dung và phạm vi, phương pháp tính của các chỉ tiêu về dịch vụ nông nghiệp chưa thống nhất nên việc áp dụng ở địa phương còn tùy tiện, ảnh hưởng đến kết quả tính toán các chỉ tiêu tổng hợp chung của địa phương.

+ Những quy định về thời vụ đối với cây hàng năm, nhất là đối với cây lúa còn chưa thật sự hợp lý và cần được xem xét sửa đổi lại. Tiêu chí phân chia ra các vụ là căn cứ vào thời gian gieo sạ và thu hoạch. Tuy nhiên, với những thay đổi nhanh trong sản xuất nông nghiệp, việc quy định thời gian trong chế độ báo cáo đã dẫn đến hiện tượng trong 1 vụ lúa có 2 lần gieo sạ, thu hoạch mà thực chất ở đây là 2 vụ chứ không phải là 1 vụ ở một số địa phương. Điều này đã gây khó khăn cho đánh giá, phân tích kết quả sản xuất theo từng vụ.

- Việc tính toán, báo cáo số liệu về cây ăn quả cũng còn chưa hợp lý: quy định diện tích cây ăn quả hiện có, trồng mới, cho sản phẩm bao gồm cả diện tích trồng tập trung và diện tích quy đổi số cây trồng phân tán ra diện tích trồng tập trung để báo cáo là chưa phù hợp vì hai loại diện tích này có đặc điểm khác nhau, không đồng chất. Quy định về quy mô, diện tích cây ăn quả trồng tập trung từ 100m² trở lên là chưa phù hợp với thực tế của những loại cây tán rộng như cây mít, nhãn, vải. Việc quy định phạm vi chỉ tiêu sản lượng thực tế thu hoạch bao gồm cả sản lượng thu hoạch trên phạm vi phân tán là rất khó thu thập. Việc quy định chỉ tính năng suất trên diện tích cho sản phẩm đối với cây ăn quả, không tính sản lượng thu bói (sản lượng thu được trên diện tích trong thời kỳ kiến thiết cơ bản) là chưa đầy đủ. Do đó trong báo cáo kết quả điều tra sản lượng cây ăn quả cần bổ sung thêm chỉ tiêu sản lượng thu bói trên diện tích trong thời kỳ kiến thiết cơ bản để phản ánh đúng số lượng sản phẩm của từng cây ăn quả đã thu hoạch trong năm điều tra. Nhưng mặt khác, sản lượng thu bói phải được thu thập ghi chép riêng để khi tính toán suy rộng sản lượng thu hoạch trên diện tích cho sản phẩm được loại trừ đi. Ngoài ra một số khái niệm, nội dung, phạm vi tính toán của các chỉ tiêu như diện tích đất lâm nghiệp, tàu thuyền đánh bắt thủy sản, diện tích nuôi trồng thủy sản ... là chưa thống nhất nên dẫn đến nhận định, tính toán và đánh giá về cùng một hiện tượng phát sinh là khác nhau.

- Trong chế độ báo cáo còn thiếu nhiều thông tin để đánh giá về hiệu quả sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản, quá trình chuyển dịch cơ cấu, cây trồng, con gia súc, chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn; ứng dụng các biện pháp canh tác mới, giống mới, những sản phẩm mới. Hiệu quả sản xuất, giá thành sản phẩm là những thông tin đặc biệt quan trọng. Việc thu thập, báo cáo những thông tin này sẽ giúp cho các cấp, các ngành đề ra những chủ trương, chính sách phát triển hợp lý, phát huy được lợi thế của từng vùng, phát huy tối đa lợi thế cạnh tranh của sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản ở nước ta với các nước khác. Tuy nhiên, hiện nay chưa yêu cầu các địa phương điều tra và báo cáo các thông tin này. Thông tin về chuyển dịch cơ cấu cây trồng và vật nuôi, chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, nông thôn cũng chưa được thu thập và báo cáo một cách có hệ thống và đầy đủ. Ngoài ra thông tin về dịch vụ nông, lâm nghiệp và thủy sản cũng rất sơ sài. Thông tin để phân tích ảnh hưởng tích cực của hoạt động dịch vụ đến kết quả hầu như chưa được chính thức hoá thành văn bản pháp quy. Các chỉ tiêu dịch vụ cũng còn rất ít và chỉ nhằm mục đích tính giá trị sản xuất dịch vụ nông lâm, nghiệp và thủy sản theo giá so sánh và giá thực tế.

Thực tế còn nhiều thông tin trùng lặp, không cần thiết vừa thu thập ở chế độ báo cáo thống kê tổng hợp này vừa thu thập từ nguồn các Bộ, ngành:

+ Doanh nghiệp nhà nước về nông, lâm nghiệp và thủy sản thực chất là thu thập thông tin về số doanh nghiệp, diện tích hiện có và lao động. Trong những năm gần đây, Tổng cục đã điều tra doanh nghiệp do vậy thông tin này không cần thiết thu thập qua chế độ báo cáo. Tương tự như vậy thông tin từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài của lĩnh vực này cũng nên khai thác từ điều tra doanh nghiệp hàng năm.

+ Thông tin về công trình thủy lợi cũng báo cáo hàng năm nhưng do khái niệm không rõ ràng nên số liệu thu thập còn nhiều hạn chế.

+ Thông tin về thiệt hại rừng trong chế độ báo cáo này trùng với thông tin do Cục Kiểm lâm Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn thu thập. Riêng thông tin này trong hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia Thủ tướng Chính phủ đã phân công cho Bộ Nông nghiệp phát triển nông thôn thu thập, tổng hợp và báo cáo cho Tổng cục Thống kê và khi Bộ Nông nghiệp ban hành chế độ báo cáo cơ sở cho các Sở Nông nghiệp, Tổng cục Thống kê thẩm định sẽ yêu cầu họ gửi cho Cục Thống kê thông tin này. Tuy nhiên Ngành Thống kê có trách nhiệm thu thập, tổng hợp những thông tin về sản xuất kinh doanh và hộ gia đình nên yêu cầu các Cục báo cáo cho Tổng cục là bảo đảm tính kịp thời và để kiểm tra số liệu và phục vụ cho tính toán giá trị sản xuất

của ngành Lâm nghiệp và bản thân Cục Thống kê các tỉnh, thành phố cũng cần phục vụ công tác quản lý và công bố thông tin thống kê tại địa phương.

E. Phần Thương mại, Dịch vụ và Giá cả

- Chế độ báo cáo thống kê định kỳ Thương nghiệp, khách sạn, nhà hàng, du lịch lữ hành và dịch vụ (theo QĐ số 734/2002/QĐ-TCTK ngày 15/11/2002).

Phần này gồm 15 biểu chia thành 2 loại báo cáo tháng, báo cáo năm. Về cơ bản đã đáp ứng đầy đủ, kịp thời thông tin của Trung ương. Song riêng thông tin về xuất, nhập khẩu hàng hoá thì thực tế Tổng cục thu thập trực tiếp từ Tổng cục Hải Quan nên trong việc cải tiến chế độ cần nghiên cứu xem xét để giảm gánh nặng cho Cục Thống kê tỉnh/thành phố những chỉ tiêu không thật cần thiết.

- Chế độ báo cáo thống kê định kỳ Vận tải, bốc xếp, dịch vụ, đại lý vận tải và bưu chính viễn thông (theo QĐ 732/2002/QĐ-TCTK ngày 15/11/2002).

Phần này gồm 5 biểu 1 biểu báo cáo tháng, 4 biểu báo cáo năm. Nội dung của báo cáo thu thập doanh thu và sản lượng vận tải phân theo các loại đường: (đường bộ, đường sắt, đường hàng không, đường sông, đường biển) và cả lĩnh vực bưu chính viễn thông và bốc xếp cảng biển, cảng sông. Với những thông tin này cũng đã đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của lĩnh vực vận tải, bốc xếp và bưu chính viễn thông. Tuy nhiên, trong cơ chế thị trường loại hình doanh nghiệp vừa và nhỏ và khu vực cá thể tăng lên gấp bội, với thành phần này thì số liệu về khối lượng vận chuyển hàng hoá, hành khách không thể thu thập trực tiếp từ chứng từ vận chuyển hàng hoá cũng như số vé bán ra mà được tính gián tiếp doanh thu, mà doanh thu là chỉ tiêu tổng hợp, bị ảnh hưởng của nhiều nhân tố như: loại hàng, loại đường, loại phương tiện thậm trí cả thời gian trong ngày. Nhiều doanh nghiệp vận tải còn áp dụng biện pháp khoán doanh thu cho lái xe... , riêng khối lượng vận chuyển và luân chuyển hàng hoá, hành khách của cá thể thì lại thu thập qua các cuộc điều tra chọn mẫu. Chính vì những lý do đó doanh thu vận tải chưa phản ánh một cách chính xác khối lượng vận chuyển và luân chuyển hàng hoá, hành khách. Thực tế việc thu thập số liệu về sản lượng vận tải còn nhiều việc cần nghiên cứu để có quy định thống nhất trong việc thu thập số liệu của lĩnh vực này. Về chỉ tiêu phương tiện vận tải, từ trước tới nay Tổng cục Thống kê chưa thu thập được tổng số phương tiện vận tải của toàn xã hội, riêng ngành Hàng không không báo cáo phương tiện của ngành, còn các phương tiện đường bộ, đường sông, đường biển thực tế thu thập qua chế độ báo cáo và điều tra. Tuy nhiên, trong chế độ báo cáo chỉ quy định những

phương tiện vận tải có đăng ký thì mới báo cáo, nhưng thực tế về tàu thuyền đánh bắt thì rất nhiều phương tiện nhỏ vẫn tham ra đánh bắt nhưng không đăng ký nên rất khó khăn cho việc thu thập số liệu.

G. Phần Xã hội - Môi trường

Chế độ báo cáo thống kê định kỳ Giáo dục, đào tạo, văn hoá thông tin, y ể, thể dục thể thao, thiếu đói trong nông dân (theo QĐ số 730/2002/QĐ - TCTK ngày 15/11/2002).

1. Giáo dục

Số liệu về giáo dục thu thập từ 2 kênh đó là: từ Cục Thống kê tỉnh, thành phố thông qua chế độ báo cáo thống kê tổng hợp và từ Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thực tế chưa bảo đảm độ tin cậy cao do thời điểm cung cấp số liệu của Sở Giáo dục các tỉnh, thành phố cho Cục Thống kê với thống kê Bộ Giáo dục và Đào tạo không thống nhất, cụ thể như số liệu ước đầu năm học mà các Sở Giáo dục báo cáo cho Cục Thống kê, sau đó số ước lần 2 khi Sở Giáo dục điều chỉnh báo cáo cho Bộ Giáo dục, nhưng họ không báo cáo lại cho Cục Thống kê từ đó dẫn tới có sự chênh lệch về số liệu; thời hạn báo cáo do đặc thù hoạt động của ngành theo năm học (từ tháng 9 năm trước đến tháng 6 năm sau) không tính theo năm tài chính, do vậy việc cung cấp thông tin theo quý, 6 tháng, 9 tháng, năm là rất khó khăn không gắn được với số liệu.

2. Đào tạo

- Số liệu về lĩnh vực đào tạo thực tế chỉ thu thập được số liệu của các đơn vị thuộc Sở Giáo dục và đào tạo, còn của các trường thuộc các Sở ngành chức năng khác rất khó thu thập, chất lượng số liệu rất thấp còn hạn chế về phạm vi, vì chế độ báo cáo hiện hành chưa đáp ứng nhu cầu thông tin cũng như các thông tin từ cơ sở đào tạo chưa thu thập đầy đủ, đồng thời cũng do một vấn đề thời hạn gửi báo cáo từ Cục Thống kê với Tổng cục cũng là nguyên nhân dẫn tới số liệu có tới thời điểm Cục Thống kê phải báo cáo lúc đó chưa đầy đủ nhưng Cục Thống kê phải ước tính để báo cáo cho Tổng Cục.

- Thông tin yêu cầu trong chế độ báo cáo hiện hành quá chi tiết yêu cầu Cục Thống kê báo cáo lên Tổng cục chủ yếu sử dụng để tổng hợp đưa vào niên giám thống kê hàng năm. Cụ thể, một số thông tin như số phòng học, phòng thư viện, phòng thí nghiệm... chia theo diện tích, kiên cố, bán kiên cố chưa bao giờ sử dụng đến.

- Hiện nay nguồn số liệu của lĩnh vực đào tạo, Tổng Cục Thống kê thu thập trực tiếp từ Bộ Giáo dục và Đào tạo, kỳ hạn là tháng 5 hàng năm, nhưng Tổng cục yêu cầu Vụ Xã hội -Môi trường kỳ báo cáo là tháng 4 hàng năm, do

đó dẫn đến sự khó khăn cho việc thu thập, tổng hợp của các đơn vị trong Tổng cục cũng như chất lượng số liệu.

3. Y tế

- Số liệu về lĩnh vực y tế do Cục Thống kê tổng hợp báo cáo cho Tổng cục vào ngày 30 tháng 6 năm sau, để phục vụ làm niên giám thống kê, nhưng hiện nay là ngày 30 tháng 4 năm sau, do thời gian thay đổi ngắn lại nên việc so sánh số liệu này với số liệu của Bộ Y tế cũng gặp khó khăn, mà nguồn số liệu của lĩnh vực này phụ thuộc chính vào Bộ Y tế, do đó đây cũng là nguyên nhân ảnh hưởng lớn tới chất lượng số liệu.

- Về báo cáo nhanh (tháng, quý) về lĩnh vực dịch bệnh và y tế có một số khó khăn vì Cục Thống kê thu thập từ Sở y tế có lúc các Sở báo cáo số liệu của tháng trước cho Cục Thống kê do không tập hợp kịp, nên số liệu này Cục Thống kê báo cáo cho Tổng cục không sử dụng được mà phải sử dụng nguồn số liệu này từ phòng Tin học của Bộ Y tế.

4. Thiếu đói trong nông dân

Thiếu đói trong nông dân được tổng hợp trực tiếp từ thống kê cấp xã, sau đó được kiểm soát tại phòng thống kê huyện và cấp tỉnh nên số liệu này luôn bảo đảm về chất lượng. Tuy nhiên cũng cần bổ sung thêm chỉ tiêu tỷ lệ/nhân khẩu thiếu đói so với hộ/nhân khẩu nông thôn và cần có nhận định được xu hướng thiếu đói của địa phương trong thời gian tới.

5. Văn hoá thông tin

Số liệu của các hoạt động: xuất bản, phát thanh, hoạt động chiếu bóng và nghệ thuật chuyên nghiệp, thư viện, trung tâm văn hoá thể thao, trung tâm triển lãm, bảo tàng và di tích thực tế thu thập từ Bộ Văn hoá, thể thao và Du lịch (các đơn vị do Trung ương quản lý) và Cục Thống kê (các đơn vị do địa phương quản lý) do chuyển đổi từ kinh tế tập trung bao cấp sang kinh tế thị trường nên loại hình kinh tế ngoài quốc doanh mở ra nhiều, do đó việc thu thập thông tin này gặp rất nhiều khó khăn mà nhất là nội dung các chỉ tiêu do Sở Văn hoá báo cáo cho Cục Thống kê chưa thống nhất và không theo một chuẩn mực nào cả, nên dẫn tới số liệu của lĩnh vực này mà Cục Thống kê vẫn báo cáo cho Tổng cục là không bảo đảm về tính đầy đủ, chính xác. Nguồn số liệu thu thập từ Bộ, ngành chưa có cơ sở pháp lý, do đó không có đủ số liệu đánh giá tình hình cả nước. Riêng báo cáo năm (kỳ hạn ngày 30 tháng 4) thực hiện rất tốt do đã thống nhất về nội dung chỉ tiêu cũng như nguồn số liệu thu thập từ Bộ Văn hoá và Cục Thống kê.

6. Thể dục thể thao

Cục Thống kê chấp hành lĩnh vực này rất tốt: đúng thời hạn báo cáo đầy đủ. Tuy nhiên, số liệu về lĩnh vực này thường biến động nhiều và chưa giải thích rõ được nguyên nhân như: số cán bộ thể thao, công trình luyện tập và thi đấu... Đề nghị Ủy ban thể dục Thể thao nghiên cứu xây dựng chế độ báo cáo thống kê cơ sở áp dụng đối với các đơn vị thuộc ngành lĩnh vực quản lý.

7. Thiên tai

Theo nội dung Thông tư 01 về việc hướng dẫn thực hiện các báo cáo đánh giá tình hình thiệt hại lũ lụt, bão lũ gây ra, thực tế địa phương chưa thực hiện đúng và đầy đủ yêu cầu của Thông tư như: còn thiếu thông tin thiệt hại, ngày xảy ra thiên tai, tổng giá trị thiệt hại và tình hình cứu trợ. Do đó, một số số liệu mà Cục Thống kê báo cáo cho Tổng cục khi so sánh với số liệu của Ban chỉ đạo phòng chống lũ bão Trung ương chưa thống nhất. Thời hạn báo cáo còn chậm so với quy định do không có đủ lực lượng cán bộ đánh giá mức độ thiệt hại ... Đề nghị xây dựng cơ sở pháp lý để thu thập và phối hợp giữa Tổng cục Thống kê và Ban chỉ đạo phòng chống lụt bão Trung ương.

Tóm lại sau 5 năm áp dụng Chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với các Cục Thống kê tỉnh, thành phố thuộc các lĩnh vực chuyên ngành: Lao động thu nhập; Tài khoản quốc gia; Công nghiệp; Vốn đầu tư và xây dựng; Vận tải, bốc xếp, dịch vụ, đại lý vận tải và Bưu chính viễn thông; Nông, lâm nghiệp và thủy sản; Thương nghiệp, khách sạn, nhà hàng, du lịch lữ hành và dịch vụ; Giáo dục, đào tạo, văn hoá thông tin, y tế, thể dục thể thao, thiếu đói trong nông thôn; đã đạt được những kết quả và hạn chế, tồn tại như sau:

- Lượng thông tin trong chế độ vừa thừa, vừa thiếu nhưng về cơ bản đã đáp ứng nhu cầu thông tin của cấp Trung ương về các lĩnh vực chuyên ngành và yêu cầu quản lý của địa phương về tình hình kinh tế - xã hội.

- Phương pháp tính của các chỉ tiêu kinh tế như: Công nghiệp, Xây dựng... đã chuyển đổi phù hợp với phương pháp tính của Tài khoản quốc gia.

- Thời hạn báo cáo chưa hợp lý như thời điểm thu thập số liệu năm phục vụ làm niên giám hàng năm gây khó khăn cho địa phương và dẫn tới chất lượng số liệu chưa có độ tin cậy cao.

- Phạm vi thu thập giữa các chuyên ngành với một số chỉ tiêu tổng hợp của Tài khoản quốc gia cần quy định rõ phạm vi thu thập số liệu thực tế của ngành Công nghiệp thì theo hoạt động và đơn vị hạch toán độc lập, còn Tài khoản quốc gia theo địa bàn. Từ vấn đề trên dẫn tới số liệu chưa thống nhất.

- Một số chỉ tiêu ở Tổng cục đã thu thập trực tiếp từ các Bộ, ngành như y tế, giáo dục, đào tạo, tài chính, ngân hàng, tiền tệ ... nhưng thực tế các tỉnh,

thành phố vẫn báo cáo cho Tổng cục. Đây chính là vấn đề cần nghiên cứu để giảm bớt gánh nặng cho địa phương để địa phương tập trung vào thực hiện theo đúng chức năng, nhiệm vụ hàng năm mà ngành Thống kê được phân công.

2. Đánh giá chung

Từ sự phân tích kết quả đạt được cũng như những hạn chế của từng chế độ báo cáo thống kê chuyên ngành nêu trên có thể rút ra kết luận chung về chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Cục Thống kê như sau:

Những kết quả đạt được chủ yếu:

Thông tin thống kê thu thập, tổng hợp từ chế độ báo cáo thống kê ban hành đối với Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hiện đang là nguồn thông tin chủ yếu để tính toán các chỉ tiêu thống kê chủ yếu của quốc gia do Tổng cục Thống kê tổng hợp và công bố. Hầu hết các chỉ tiêu chủ yếu từ các chỉ tiêu tổng hợp đến các chỉ tiêu chuyên ngành, từ các chỉ tiêu có thể thực hiện bằng hình thức báo cáo (đối với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài) đến các chỉ tiêu thực hiện bằng hình thức điều tra thống kê, đều được thu thập tổng hợp từ các Cục Thống kê tỉnh, thành phố. Cục Thống kê đã trở thành đầu mối thu thập hầu hết các thông tin thống kê từ các doanh nghiệp, các hộ gia đình và tổng hợp từ các sở, ngành về các thông tin tổng hợp từ hồ sơ hành chính (giáo dục, y tế, tài chính, văn hoá,...) và tổng hợp báo cáo Tỉnh uỷ, Ủy Ban nhân dân tỉnh, báo cáo Tổng cục Thống kê. Chỉ có một số thông tin nhanh hoặc thông tin nếu không thu thập tổng hợp được từ Cục Thống kê tỉnh, thành phố (như thông tin thống kê từ các ngành quản lý ngành dọc chẳng hạn), hoặc những thông tin nếu tổng hợp từ Cục Thống kê tỉnh, thành phố sẽ không chính xác (như các thông tin thống kê về xuất nhập khẩu, về lượng khách quốc tế đến Việt Nam,...) do bị trùng lặp.

Những hạn chế và tồn tại:

Bên cạnh những ưu điểm, tiến bộ, chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Cục Thống kê tỉnh, thành phố cũng bộc lộ một số hạn chế, bất cập.

a) Có sự trùng chéo trong việc phân công thu thập thông tin giữa Cục Thống kê cấp tỉnh với các Bộ, ngành Trung ương

Sự trùng chéo này thể hiện ở những chỉ tiêu chủ yếu sau:

- Diện tích đất tự nhiên và hiện trạng sử dụng đất. Chỉ tiêu này vừa thu thập từ Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, vừa thu thập, tổng hợp từ các Cục thống kê tỉnh/thành phố.

- Số lao động được tạo việc làm trong kỳ: vừa thu thập từ Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, vừa thu thập, tổng hợp từ Cục Thống kê tỉnh, thành phố.

- Thu ngân sách nhà nước, Chi ngân sách nhà nước: Hai chỉ tiêu này vừa thu thập từ Bộ Tài chính, vừa thu thập, tổng hợp từ các Cục Thống kê tỉnh, thành phố.

- Số dư huy động vốn của các tổ chức tín dụng, Số dư tín dụng của các tổ chức tín dụng: Hai chỉ tiêu này vừa thu thập qua Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, vừa thu thập, tổng hợp từ Cục Thống kê tỉnh, thành phố.

- Thu bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, Chi bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội: Hai chỉ tiêu này vừa thu thập từ Bảo hiểm xã hội Việt Nam, vừa thu thập, tổng hợp từ các Cục Thống kê tỉnh, thành phố.

- Diện tích rừng trồng mới tập trung: vừa thu thập từ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, vừa thu thập, tổng hợp từ các Cục Thống kê tỉnh, thành phố.

- Lượng và giá trị xuất khẩu, Lượng và giá trị nhập khẩu: Hai chỉ tiêu này vừa thu thập từ Tổng cục Hải quan, vừa thu thập, tổng hợp từ các Cục Thống kê tỉnh, thành phố.

- Số lượt khách quốc tế đến Việt Nam: vừa thu thập từ Bộ Quốc phòng và Bộ Công an, vừa thu thập, tổng hợp từ Cục Thống kê tỉnh, thành phố.

- Chiều dài đường bộ, đường thủy nội địa, Số lượng tàu, thuyền có động cơ: Hai chỉ tiêu này vừa thu thập từ Bộ Giao thông Vận tải, vừa thu thập, tổng hợp từ Cục Thống kê tỉnh, thành phố.

- Số trường, lớp, giáo viên, học sinh mầm non; Số trường lớp, giáo viên, học sinh phổ thông; Tỷ lệ học sinh phổ thông tốt nghiệp; Tỷ lệ học sinh chuyên cấp, tỷ lệ học sinh hoàn thành cấp học; Tỷ lệ học sinh phổ thông lưu ban, bỏ học; Số học viên xóa mù chữ, bỏ túc văn hoá; Số cơ sở, số giáo viên, số học sinh dạy nghề; Số trường, số giáo viên, số học sinh trung cấp chuyên nghiệp; Số trường, số giáo viên, số sinh viên cao đẳng; Số trường, số giáo viên, số sinh viên đại học. Các chỉ tiêu trên vừa thu thập, tổng hợp từ Bộ Giáo dục và Đào tạo, vừa thu thập, tổng hợp từ các Cục Thống kê tỉnh, thành phố.

- Về y tế, chăm sóc sức khỏe: Số cơ sở y tế, số giường bệnh; Số nhân lực y tế; Số trạm y tế xã/phường/thị trấn có bác sĩ; Số trạm y tế xã/phường/thị trấn có nữ hộ sinh hoặc bác sĩ sản nhi; Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin; Số trẻ em dưới 15 tuổi mắc, chết do các loại bệnh được tiêm chủng vắc xin; Tỷ lệ trẻ sơ sinh có trọng lượng dưới 2500 gram; Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng; Số ca mắc, số người chết do các bệnh dịch. Các chỉ tiêu trên vừa thu thập, tổng hợp từ Bộ Y tế, vừa thu thập, tổng hợp từ Cục Thống kê tỉnh, thành phố.

- Số đầu sách, bản sách, báo chí, tạp chí, băng đĩa (audio, video, trừ phim) xuất bản; Số thư viện, số tài liệu trong thư viện, số lượt người được phục vụ trong thư viện; Số đơn vị chiếu bóng, số rạp chiếu bóng, số lượt người xem chiếu bóng; Số đơn vị nghệ thuật chuyên nghiệp, số rạp hát, số buổi biểu diễn, số lượt người xem biểu diễn nghệ thuật; Số nhà bảo tàng, số lượt người tham quan bảo tàng; Số di tích được xếp hạng; Số xã được phủ sóng phát thanh; số xã được phủ sóng truyền hình; Số chương trình, số giờ chương trình, số giờ phát sóng; Số vận động viên, trọng tài; số huy chương trong các kỳ thi đấu quốc tế. Các chỉ tiêu trên vừa thu thập, tổng hợp từ Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, vừa thu thập, tổng hợp từ các Cục Thống kê tỉnh, thành phố.

- Tỷ lệ che phủ rừng; Diện tích rừng bị cháy, bị chặt phá; Số vụ thiên tai và mức độ thiệt hại. Các chỉ tiêu này vừa thu thập, tổng hợp từ Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, vừa thu thập, tổng hợp từ các Cục thống kê tỉnh, thành phố.

b) Trách nhiệm thu thập thông tin thống kê giao cho các Cục Thống kê còn nặng nề

Thông tin của hệ thống thống kê tập trung dồn gánh nặng cho ngành dọc, trong khi không tập trung được các thông tin tổng hợp từ hồ sơ và báo cáo hành chính của các Bộ, ngành ở Trung ương cũng như của các Sở, ban ngành ở địa phương. Tình hình này dẫn đến ba hậu quả:

- *Một là*, gánh nặng dồn vào hệ thống tổ chức thống kê tập trung, làm cho hệ thống thống kê tập trung không có điều kiện tập trung vào các thông tin thuộc chức năng, nhiệm vụ chính của mình mà không có Bộ, ngành nào có thể thay thế được. Đi kèm theo gánh nặng thông tin là gánh nặng biên chế, gánh nặng kinh phí, cũng như gánh nặng về phản hồi của các đối tượng sử dụng thông tin thống kê trong và ngoài nước. Các phòng ở dưới Cục Thống kê chịu nhiều gánh nặng nhất là phòng Tổng hợp, phòng Dân số - Lao động - Văn xã.

- Hai là, không tận dụng được các thông tin tổng hợp từ hồ sơ và báo cáo hành chính của các Bộ, ngành, vô hình trung đã giảm nhẹ vai trò của hệ thống thống kê Bộ, ngành cả về tổ chức, bộ máy, cả về chức năng nhiệm vụ, cả về sự đa dạng phong phú của hệ thống thông tin thống kê. Điều này vừa không phù hợp với sự chuyển đổi cơ chế kinh tế, vừa không tận dụng được một nghìn thông tin quan trọng, vừa tăng gánh nặng cho Thống kê địa phương.

- Ba là, do tập trung chủ yếu vào việc thu thập thông tin từ hệ thống tổ chức thống kê ngành dọc, trong khi nguồn số liệu để báo cáo từ hồ sơ hành chính, Cục Thống kê tỉnh, thành phố, phòng thống kê huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh lại nằm ở các Sở, ban, ngành, ở các phòng, ban chuyên môn thuộc ngành, lĩnh vực do Bộ, ngành quản lý. Một số Cục Thống kê đã phải thốt lên: “Tổng cục Thống kê đã biến Cục Thống kê thành người đi xin số liệu của các Sở, ngành”.

PHẦN II

ĐỀ XUẤT CẢI TIẾN CHẾ ĐỘ BÁO CÁO THỐNG KÊ TỔNG HỢP ÁP DỤNG ĐỐI VỚI CỤC THỐNG KÊ TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

I. Nguyên tắc cải tiến

1. Phải góp phần đáp ứng tốt nhất nhu cầu thông tin của các đối tượng sử dụng

Mục đích của người làm thống kê là sản xuất ra các sản phẩm thông tin thống kê định lượng, đáp ứng tốt nhất nhu cầu của người sử dụng thông tin. Do vậy, mọi hoạt động thống kê đều phải hướng về người sử dụng thông tin thống kê. Nếu không thực hiện theo phương châm này thì mọi hoạt động đổi mới phương pháp nghiệp vụ thống kê cho dù hoàn thiện đến mức nào cũng sẽ kém hiệu quả. Tuy nhiên, trong thời đại ngày nay thông tin đang trở thành sức mạnh của quyền lực và thông tin thống kê đang lên ngôi nên đối tượng sử dụng thông tin thống kê ngày càng nhiều và tương đối đa dạng, nhu cầu thông tin của các đối tượng ngày càng tăng. Nếu thông tin thống kê được thu thập tổng hợp để nhằm thoả mãn mọi nhu cầu thông tin thống kê của tất cả các đối tượng dùng tin thì sẽ rất dàn trải, nặng nề và rất khó thực hiện được. Do vậy, nguyên tắc này chỉ đề ra yêu cầu đáp ứng tốt nhất nhu cầu thông tin thống kê của các đối tượng dùng tin, chứ không phải và không có thể đáp ứng mọi nhu cầu về thông tin thống kê của tất cả các đối tượng.

Do đối tượng sử dụng thông tin thống kê ngày càng đa dạng và khả năng đáp ứng của ngành Thống kê chỉ có giới hạn đó là các đối tượng sau:

(1) Các cơ quan thống kê tổng hợp cấp trên; (2) Các đối tượng dùng tin trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cũng như một số đối tượng khác.

Sở dĩ thông tin thống kê này phải đáp ứng nhu cầu thông tin của cơ quan thống kê tổng hợp cấp trên là đối tượng phục vụ đầu tiên vì các cơ quan này là cấp trên đúng nghĩa về tổ chức bộ máy và chỉ đạo chuyên môn nghiệp vụ, cấp trên trực tiếp là Tổng cục Thống kê. Ngành Thống kê hiện nay tổ chức theo ngành dọc từ Trung ương đến địa phương nên cơ quan cấp dưới phải phục vụ trực tiếp cho hoạt động của tổ chức thống kê cấp trên là một yêu cầu có tính nguyên tắc.

Mặt khác, theo quy trình công nghệ sản xuất thông tin thống kê những thông tin thu thập từ cấp tỉnh, thành phố qua chế độ báo cáo này là một trong những nguồn thông tin đầu vào quan trọng phục vụ việc tổng hợp thông tin đầu ra của cơ quan thống kê tổng hợp cấp trên. Cụ thể là, những thông tin mà Thủ tướng Chính phủ đã phân công cho ngành Thống kê được quy định trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và sẽ được thiết kế vào biểu mẫu trong chế độ báo cáo thống kê tổng hợp này chủ yếu là những thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh và hộ gia đình và đây cũng là một trong nguồn thông tin quan trọng để Tổng cục Thống kê tổng hợp chung số liệu của cả nước.

Ngoài nhiệm vụ phải đáp ứng nhu cầu thông tin của các cơ quan thống kê tổng hợp cấp trên để phục vụ tính toán các chỉ tiêu trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương còn phải đáp ứng nhu cầu thông tin của các đối tượng sử dụng thông tin thống kê trên địa bàn và các đối tượng dùng tin khác, trước hết là lãnh đạo Đảng và chính quyền địa phương. Do vậy, thông tin thống kê trong chế độ báo cáo này phải thảo mãn tốt nhất nhu cầu sử dụng thông tin thống kê của các đối tượng dùng tin trên địa bàn và các đối tượng khác. Đây cũng có tính nguyên tắc vì chính quyền cấp tỉnh, huyện, xã là một trong 4 cấp quản lý hành chính ngày càng có vai trò to lớn trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh tế - xã hội trên địa bàn nên cấp này cũng rất cần được cung cấp thông tin thống kê một cách thường xuyên, kịp thời đầy đủ và chính xác để cập nhật và xử lý tình hình.

Để có thể đáp ứng tốt nhất nhu cầu thông tin thống kê cho các đối tượng sử dụng đó là: (1) Các cơ quan thống kê tổng hợp cấp trên; (2) Các đối tượng dùng tin trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cũng như một số đối tượng khác. Một vấn đề đặt ra cần phải xác định rõ những thông tin trong chế độ báo cáo này có cơ sở nguồn thông tin bảo đảm tính kịp thời, đầy đủ và

chính xác không? Trong QĐ số 305/TTg ngày 24/11/2005 về việc ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, Thủ tướng Chính phủ đã phân công cho Tổng cục Thống kê chịu trách nhiệm chính thu thập, tổng hợp những thông tin về lĩnh vực sản xuất kinh doanh, hộ gia đình và đây cũng là cơ sở để ngành Thống kê nghiên cứu xây dựng chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Để có cơ sở tính toán được các chỉ tiêu đã được thiết kế trong chế độ này thì ngành Thống kê dựa vào thông tin từ chế độ báo cáo thống kê cơ sở áp dụng đối với Doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; một số thông tin từ điều tra doanh nghiệp ngoài quốc doanh, cá thể và một số thông tin về điều tra hộ gia đình. Do vậy, đây cũng chính là đáp ứng tốt nhất về chất lượng thông tin cho các đối tượng sử dụng tin.

2. Giảm bớt gánh nặng cho các Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- Qua đánh giá thực trạng của các chế độ báo cáo thống kê chuyên ngành cũng như quan điểm của Luật Thống kê mà cụ thể, trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia Thủ tướng Chính phủ đã phân công cho các Bộ, ngành chịu trách nhiệm chính thu thập, tổng hợp thông tin thống kê từ hồ sơ hành chính mà cụ thể: y tế, văn hoá, giáo dục đào tạo, bảo hiểm, tiền tệ... còn ngành Thống kê thì thu thập từ lĩnh vực: dân số, hộ gia đình và sản xuất kinh doanh từ đó đã giảm nhẹ gánh nặng cho Cục Thống kê trong việc báo cáo với Tổng cục Thống kê và có điều kiện tập trung vào việc thu thập, tổng hợp tính toán và báo cáo những chỉ tiêu quan trọng nhất, phù hợp với chức năng chủ yếu của ngành Thống kê, theo mô hình tập trung kết hợp với phân tán.

- Để triển khai Luật Thống kê, Chính phủ có Nghị định (quyết định) hướng dẫn tăng cường tổ chức thống kê Bộ, ngành và trên cơ sở phân công của Chính phủ thu thập tổng hợp một số lĩnh vực do các Bộ, ngành quản lý, sau đó báo cáo cho Tổng cục Thống kê. Để thực hiện được yêu cầu trên cũng cần có thời gian, cải tổ một cách đồng bộ thì mới có được nguồn số liệu đầy đủ, chính xác, khách quan.

- Trong thời gian tới Tổng cục Thống kê triển khai Đề án đổi mới đồng bộ hệ thống chỉ tiêu thống kê thì việc ứng dụng công nghệ thông tin vào xử lý, tổng hợp và truyền đưa thặng tin từ các cấp huyện, lên cấp tỉnh và lên Tổng cục Thống kê và đây cũng là điều kiện tốt giảm bớt gánh nặng cho các Cục Thống kê Tổng cục Thống kê sẽ tổng hợp tập trung rồi phân bổ số liệu cho các tỉnh, huyện. Các phiếu điều tra sẽ được các huyện, các tỉnh kiểm tra rồi chuyển về các Trung tâm Tin học khu vực và chuyển dữ liệu cũng như thông tin tổng hợp về Tổng cục Thống kê.

Làm được như vậy sẽ có ba tác động:

Thứ nhất, việc xử lý, tổng hợp nhanh hơn, tránh tình trạng chậm trễ do việc tổng hợp từng cấp và báo cáo như trước đây.

Thứ hai, sẽ có thông tin đầu vào được nhiều hơn, chi tiết hơn, thậm chí còn có thể có số liệu từng đơn vị khi cần thiết.

Thứ ba, bảo đảm mức độ chính xác hơn nhờ Tổng cục có điều kiện tiếp cận với nguồn số liệu gốc, những sai sót không bị chìm đi qua việc tổng hợp.

3. Bảo đảm tính kế thừa, cập nhật và theo nguyên tắc mở

Theo Quyết định 305 QĐ/2005/TTg ngày 24/11/2005 của Thủ tướng về việc ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và trong Quyết định này đã giao cho Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê chịu trách nhiệm quy định hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.

Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh là tập hợp những chỉ tiêu thống kê phản ánh tình hình kinh tế - xã hội chủ yếu của tỉnh, thành phố để thu thập thông tin thống kê phục vụ các cơ quan lãnh đạo cấp tỉnh trong việc đánh giá, dự báo tình hình, hoạch định chính sách, xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và đáp ứng nhu cầu thông tin thống kê của các tổ chức, cá nhân khác. Việc nghiên cứu, xây dựng hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, thành phố dựa trên một số vấn đề sau: (1) Đáp ứng yêu cầu quản lý của cấp trên; (2) Đáp ứng yêu cầu quản lý của cấp tỉnh; (3) bảo đảm tính khả thi. Thông tin thống kê được thu thập từ 2 kênh: (1) kênh từ tổ chức thống kê ngành dọc chủ yếu là thông tin thống kê từ khu vực sản xuất kinh doanh và khu vực hộ gia đình; (2) kênh thông tin thống kê Bộ, ngành chủ yếu là thu thập từ hồ sơ hành chính. Hai kênh thông tin này đều được áp dụng cho cả cấp quốc gia và cấp tỉnh và đã được thiết kế trong nội dung của hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và cấp tỉnh. Để có được thông tin thống kê phục vụ cho việc thu thập, tổng hợp, tính toán cần cải tiến chế độ báo cáo thống kê và đây cũng là 1 trong 2 hình thức thu thập thông tin thống kê chủ yếu, với việc áp dụng chế độ báo cáo có những ưu điểm như sau: ổn định về thời gian báo cáo và nội dung chỉ tiêu trong thời gian ít nhất từ 2 năm đến 5 năm, đồng thời tiết kiệm được kinh phí. Việc thu thập thông tin từ khu vực sản xuất kinh doanh từ trước tới nay chủ yếu là các thông tin về lao động, tài sản, tiền vốn, kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp thuộc mọi loại hình kinh tế hay chính là dựa vào báo cáo quyết toán tài chính, ngành thống kê đã có cơ sở pháp lý đó là chế độ báo cáo thống kê cơ sở áp dụng đối với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài để thu thập những thông tin trên. Tuy nhiên, hiện nay xuất hiện nhiều loại hình kinh tế nên phải tổ

chức thu thập thông tin của lĩnh vực này qua các cuộc điều tra thống kê. Do vậy, việc bảo đảm tính kế thừa là một nguyên tắc cơ bản trong quá trình nghiên cứu cải tiến chế độ báo cáo và điều tra vì có như vậy thông tin thống kê thu được mới có ý nghĩa bởi thống kê nghiên cứu số lớn, theo chuỗi thời gian liên tục để từ đó đưa ra tính quy luật của hiện tượng kinh tế - xã hội phát sinh.

Trong quá trình nghiên cứu, xây dựng hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và là cơ sở để nghiên cứu, xây dựng chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng cho Cục Thống kê, tỉnh thành phố ở đây, cũng được hiểu là “khung chung” áp dụng thống nhất cho 64 Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cũng được xem đây là nhiệm vụ chính trị hàng năm mà ngành Thống kê cụ thể là các Cục Thống kê phải đảm nhiệm không chỉ đáp ứng yêu cầu thông tin thống kê cho Tổng cục Thống kê, mà còn đáp ứng yêu cầu quản lý và điều hành của các cấp lãnh đạo địa phương và một số đối tượng dùng tin khác. Để hoàn thành nhiệm vụ chính trị nêu trên, hàng năm ngân sách nhà nước đã phân bổ một lượng kinh phí đủ, phù hợp cho hoạt động của ngành Thống kê. Tuy nhiên, tùy theo đặc thù về tình hình kinh tế - xã hội, vùng địa lý của từng tỉnh, thành phố cũng như yêu cầu quản lý và điều hành của lãnh đạo địa phương thì Cục Thống kê tỉnh, thành phố cần nghiên cứu đề xuất những chỉ tiêu phù hợp và bảo đảm không trái với khung chung của Tổng cục Thống kê đã ban hành cả về nội dung và phương pháp tính. Ví dụ với tỉnh miền núi thì cần có nhiều chỉ tiêu phản ánh về sản lượng cây công nghiệp, đời sống của những người dân tộc như thế nào? thế còn ở những vùng ven biển thì những chỉ tiêu trên không cần mà phải bổ sung thêm các chỉ tiêu sản lượng đánh bắt cá tôm, ... do vậy, đó chính là nguyên tắc mở về không gian và cũng phải bảo đảm nguyên tắc mở về mặt thời gian vì đây là một văn bản pháp quy khi ban hành thì nên tính đến thời gian sử dụng ít nhất là 5 năm, đồng thời phải căn cứ vào nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ để bổ sung, cập nhật cho phù hợp với tình hình thực tế.

II. Đề xuất cải tiến chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

A. Phần Lao động, việc làm

Phần này hiện nay có 9 biểu, bao gồm: (1) Lao động và thu nhập khu vực nhà nước do địa phương quản lý; (2) Lao động và thu nhập khu vực nhà nước của các đơn vị Trung ương hoạt động trên địa bàn tỉnh, thành phố; (3) ước tính lao động và thu nhập khu vực nhà nước do địa phương quản lý; (4) Số người từ 15 tuổi trở lên hoạt động kinh tế và không hoạt động kinh tế; (5)

Lao động có việc làm phân theo ngành kinh tế; (6) Lao động có việc làm phân theo loại hình kinh tế; (7) Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động và thất nghiệp; (8) Đăng ký xin việc làm và giải quyết việc làm khu vực thành thị; và 1 biểu (1) Lao động và thu nhập áp dụng đối với các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội thuộc khu vực nhà nước do Trung ương và các tỉnh, thành phố quản lý. Chúng tôi đề xuất cải tiến như sau:

- Ghép các biểu:

+ Lao động và thu nhập khu vực nhà nước do địa phương quản lý (6 tháng, năm); Lao động và thu nhập khu vực nhà nước của các đơn vị Trung ương hoạt động trên địa bàn tỉnh, thành phố (6 tháng, năm); Ước tính lao động và thu nhập khu vực nhà nước do địa phương quản lý (6 tháng, năm). Thành 1 biểu là “Thu nhập bình quân 1 lao động đang làm việc”.

+ Lao động có việc làm phân theo ngành kinh tế quốc dân; Lao động có việc làm phân theo loại hình kinh tế thành 1 biểu là “Lao động đang làm việc”

- Sửa tên biểu:

Số người từ 15 tuổi trở lên hoạt động kinh tế và không hoạt động kinh tế” thành biểu “Lực lượng lao động” cho phù hợp với tên chỉ tiêu trong hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia.

- Bỏ 2 biểu: Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động và thất nghiệp và biểu Đăng ký xin việc làm và giải quyết việc làm khu vực thành thị. Để chuyển sang cho Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện theo sự phân công của Thủ tướng Chính phủ trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia.

B. Phần Đầu tư

Phần này hiện nay có 9 biểu, bao gồm: (1) Thực hiện vốn đầu tư phát triển thuộc nguồn vốn Nhà nước do địa phương quản lý; (2) Thực hiện vốn đầu tư phát triển do địa phương quản lý chia theo nguồn vốn và chia theo khoản mục đầu tư; (3) Thực hiện vốn đầu tư phát triển do địa phương quản lý chia theo ngành kinh tế; (4) Giá trị tài sản cố định mới tăng do địa phương quản lý chia theo ngành kinh tế; (5) Năng lực mới tăng thuộc nguồn vốn đầu tư phát triển của nhà nước do địa phương quản lý; (6) Giá trị sản xuất ngành xây dựng theo giá hiện hành (quý); (7) Giá trị sản xuất ngành xây dựng theo giá hiện hành (năm); (8) Nhà ở xây dựng hoàn thành trong năm; (9) Số lượng doanh nghiệp xây lắp hạch toán độc lập (có đến 31-12). Chúng tôi đề xuất cải tiến như sau:

- Ghép 3 biểu: Thực hiện vốn đầu tư phát triển thuộc vốn nhà nước do địa phương quản lý (tháng); Thực hiện vốn đầu tư phát triển do địa phương quản lý theo nguồn vốn và chia theo khoản mục đầu tư (6 tháng, năm); Thực hiện vốn đầu tư phát triển do địa phương quản lý chia theo ngành kinh tế (năm). Thành 2 biểu: “Vốn đầu tư phát triển thuộc nguồn vốn nhà nước do địa phương quản lý (tháng)” ; “Vốn đầu tư phát triển do địa phương quản lý (6 tháng, năm)”.

- Bỏ 2 biểu: Giá trị tài sản cố định mới tăng do địa phương quản lý chia theo ngành kinh tế (năm); Năng lực mới tăng thuộc nguồn vốn đầu tư phát triển của nhà nước do địa phương quản lý (năm). Vì các nội dung này không có trong hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, do các nội dung rất khó thu thập, thường không chính xác và ít ý nghĩa.

- Chuyển phần xây dựng ghép với phần công nghiệp.

- Bổ sung biểu: Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đăng ký mới và bổ sung. Riêng chỉ tiêu Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện thì đã ghép vào biểu 02 “Vốn đầu tư thực hiện do địa phương quản lý” kỳ 6 tháng, năm.

C. Phần Tài khoản quốc gia

Phần này hiện nay có 15 biểu, bao gồm: (1) Giá trị sản xuất, chi phí trung gian, giá trị tăng thêm (theo giá hiện hành); (2) Chi phí trung gian phân theo yếu tố (theo giá hiện hành); (3) Tổng tích lũy tài sản (theo giá hiện hành); (4) Tiêu dùng cuối cùng (theo giá hiện hành); (5) Giá trị sản xuất, chi phí trung gian, giá trị tăng thêm (theo giá so sánh); (6) ước tính về Giá trị sản xuất, chi phí trung gian, giá trị tăng thêm (theo giá hiện hành); (7) ước tính về Giá trị sản xuất, chi phí trung gian, giá trị tăng thêm (theo giá so sánh); (8) Bảng cân đối sản phẩm trồng trọt; (9) Bảng cân đối sản phẩm chăn nuôi; (10) Tài sản cố định của doanh nghiệp nhà nước và đơn vị hành chính sự nghiệp; (11) Dư nợ huy động vốn và đi vay của ngân hàng; (12) Doanh số cho vay, thu nợ, dư nợ tín dụng ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của ngân hàng (phân theo ngành kinh tế); (13) Tổng hợp thu ngân sách nhà nước tỉnh, thành phố; (14) Tổng hợp chi ngân sách địa phương; (15) Cân đối ngân sách địa phương. Chúng tôi đề xuất cải tiến như sau:

- Ghép 2 biểu: Giá trị sản xuất, chi phí trung gian, giá trị tăng thêm (giá thực tế) ước tính và chính thức vào một biểu; Giá trị sản xuất, chi phí trung gian, giá trị tăng thêm (giá so sánh) ước tính và chính thức thành một biểu.

- Bỏ 2 biểu: Tổng tích lũy tài sản; Tiêu dùng cuối cùng, 2 chỉ tiêu này chỉ nên tính ở cấp quốc gia, tính ở cấp tỉnh rất khó khăn về nguồn số liệu, thường không chính xác.

- Biểu: Bảng cân đối sản phẩm trồng trọt; Bảng cân đối sản phẩm chăn nuôi. Là những chỉ tiêu chủ yếu nhằm tính giá bình quân, nhưng trong cơ chế thị trường sự khác biệt về giá cả bao cấp và giá thị trường không còn lớn; nộp thuế cũng nộp bằng tiền, không nộp bằng hiện vật như trước, nên chỉ cần tập trung vào mặt hàng lương thực và chuyển sang phần nông, lâm nghiệp và thủy sản để cân đối cung - cầu là chủ yếu.

- Bỏ biểu: Tài sản cố định của doanh nghiệp nhà nước, đơn vị hành chính sự nghiệp lấy qua Bộ tài chính. Dư nợ huy động vốn và đi vay của ngân hàng; Doanh số cho vay, thu nợ, dư nợ tín dụng ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của ngân hàng (ngành kinh tế); Doanh số cho vay, thu nợ, dư nợ tín dụng ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của ngân hàng (theo loại hình kinh tế). Chuyển 3 biểu này cho Ngân hàng nhà nước Việt Nam thu thập theo chế độ báo cáo do Thủ tướng Chính phủ ban hành áp dụng đối với Ngân hàng nhà nước; khi thẩm định chế độ báo cáo của Ngân hàng Nhà nước ban hành áp dụng đối với các chi nhánh ngân hàng tỉnh, thành phố sẽ yêu cầu gửi cho Cục Thống kê để sử dụng phục vụ yêu cầu quản lý của địa phương.

- Tổng thu ngân sách nhà nước tỉnh, thành phố;

- Tổng dư nợ ngân sách nhà nước địa phương;

- Cân đối ngân sách địa phương;

Chuyển 3 biểu này sang chế độ báo cáo do Thủ tướng Chính phủ ban hành áp dụng đối với Bộ Tài Chính; khi thẩm định chế độ báo cáo do Bộ Tài Chính ban hành áp dụng đối với Sở Tài chính tỉnh, thành phố sẽ yêu cầu gửi cho Cục Thống kê để sử dụng phục vụ yêu cầu của địa phương.

D. Phần Công nghiệp và xây dựng

Phần này hiện có 13 biểu, bao gồm: (1) Giá trị sản xuất công nghiệp (theo giá cố định); (2) Giá trị sản xuất công nghiệp (theo giá thực tế); (3) Sản phẩm công nghiệp chủ yếu; (4) Giá trị sản xuất chia theo ngành công nghiệp và loại hình kinh tế (theo giá cố định); (5) Giá trị sản xuất chia theo ngành công nghiệp và loại hình kinh tế (theo giá so sánh); (6) Sản phẩm công nghiệp chủ yếu; (7) Lao động bình quân chia theo ngành công nghiệp và loại hình kinh tế; (8) Số lượng doanh nghiệp chia theo ngành công nghiệp và loại hình kinh tế; (9) Kết quả điều tra công nghiệp cá thể thời điểm 1/12 (cơ sở - lao động); (10) Suy rộng kết quả điều tra công nghiệp cá thể thời điểm 1/2 (nguồn vốn tài sản); (11) Suy rộng kết quả điều tra công nghiệp cá thể thời điểm 1/12 (doanh thu - nộp ngân sách); (12) Suy rộng kết quả điều tra công nghiệp cá thể thời điểm 1/12 (chi phí sản xuất); (13) Giá trị sản xuất, chi phí

trung gian, giá trị tăng thêm của công nghiệp cá thể. Chúng tôi đề xuất cải tiến như sau:

- Ghép các biểu:

+ Giá trị sản xuất công nghiệp theo giá cố định; Giá trị sản xuất công nghiệp theo giá thực tế. Thành 1 biểu là giá trị sản xuất công nghiệp (theo giá thực tế, giá so sánh);

+ Giá trị sản xuất chia theo ngành công nghiệp và loại hình kinh tế (giá cố định); Giá trị sản xuất chia theo ngành công nghiệp và loại hình kinh tế (giá thực tế). Thành 1 biểu là giá trị sản xuất công nghiệp (theo giá thực tế, giá so sánh).

+ Sản phẩm công nghiệp chủ yếu (tháng); Sản phẩm công nghiệp chủ yếu (năm). Thành 1 biểu “sản phẩm công nghiệp chủ yếu”

+ Giá trị sản xuất, chi phí trung gian, giá trị tăng thêm của công nghiệp cá thể để ghép vào biểu giá trị sản xuất, chi phí trung gian, giá trị tăng thêm chung ở phần tài khoản quốc gia.

- Bỏ các biểu: Lao động bình quân chia theo ngành công nghiệp và loại hình kinh tế, để ghép với biểu lao động chung; Số lượng doanh nghiệp chia theo ngành công nghiệp và loại hình kinh tế để ghép với hệ thống biểu điều tra doanh nghiệp chung; Kết quả điều tra công nghiệp cá thể thời điểm 1/12 (cơ sở lao động); Suy rộng điều tra công nghiệp cá thể thời điểm 1/12 (nguồn vốn - tài sản); Suy rộng điều tra công nghiệp cá thể thời điểm 1/12 (doanh thu và nộp ngân sách); Suy rộng điều tra công nghiệp cá thể thời điểm 1/12 (chi phí sản xuất). Để ghép với hệ thống biểu điều tra kinh tế cá thể chung.

- Đưa 2 chỉ tiêu xây dựng vào phần này: Giá trị sản xuất ngành xây dựng; Số lượng nhà ở và diện tích nhà xây dựng nhà ở mới đã hoàn thành. Việc đưa 2 chỉ tiêu trên vào phần này là dựa trên kết cấu của Hệ thống chỉ tiêu quốc gia và hệ thống chỉ tiêu cấp tỉnh, còn thực tế thì phải đưa về lĩnh vực vốn đầu tư và sẽ do cấp có thẩm quyền quyết định.

E. Phần Nông, lâm nghiệp và thủy sản

Phần này hiện nay có 21 biểu, bao gồm: (1) Một số chỉ tiêu cơ bản về hợp tác xã; (2) Một số chỉ tiêu chủ yếu về trang trại; (3) Công trình Thủy lợi; (4) Danh mục doanh nghiệp nhà nước nông, lâm nghiệp và thủy sản; (5) Diện tích, năng suất sản lượng cây hàng năm; (6) Diện tích, năng suất sản lượng cây hàng năm chủ yếu phân theo đơn vị huyện, thị; (7) Diện tích, năng suất sản lượng cây lâu năm; (8) Diện tích, năng suất sản lượng cây lâu năm chủ yếu phân theo đơn vị huyện, thị; (9) Số lượng và sản phẩm gia súc, gia cầm

và chăn nuôi khác; (10) Số lượng trâu bò, lợn phân theo đơn vị huyện, thị; (11) Giá trị sản xuất ngành nông nghiệp; (12) Diện tích rừng hiện có; (13) Trồng rừng và chăm sóc nuôi dưỡng rừng; (14) Khai thác gỗ và lâm sản; (15) Giá trị sản xuất ngành lâm nghiệp; (16) Thiệt hại rừng; (17) Nuôi trồng thủy sản; (18) Sản lượng sản phẩm ngành thủy sản; (19) Giá trị sản xuất ngành thủy sản; (20) Đánh bắt xa bờ; (21) Một số chỉ tiêu chủ yếu của các doanh nghiệp nông, lâm nghiệp, thủy sản có vốn đầu tư nước ngoài. Chúng tôi đề xuất cải tiến như sau:

- Ghép các biểu:

+ Giá trị sản xuất ngành nông nghiệp; Giá trị sản xuất ngành lâm nghiệp; Giá trị sản xuất ngành thủy sản. Thành 1 biểu “giá trị sản xuất ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản”.

+ Diện tích, năng suất, sản lượng cây hàng năm; Diện tích, năng suất, sản lượng cây hàng năm phân theo huyện thị. Thành 1 biểu “Diện tích, năng suất, sản lượng cây hàng năm”.

+ Sản lượng sản phẩm ngành thủy sản; Đánh bắt hải sản xa bờ. Thành 1 biểu, vì đánh bắt xa bờ chỉ là phương thức nằm trong việc khai thác thủy sản và có ý nghĩa chủ yếu khi phong trào khai thác xa bờ mới được phát động và đầu tư.

- Bỏ các biểu: Diện tích rừng hiện có, để chuyển sang thu thập qua chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Bộ nông nghiệp phát triển nông thôn tính thông qua tỷ lệ che phủ rừng; Một số chỉ tiêu chủ yếu của doanh nghiệp nông, lâm nghiệp và thủy sản có vốn đầu tư nước ngoài, để ghép chung và điều tra doanh nghiệp.

- Bổ sung thêm các biểu: Diện tích đất nông nghiệp được tưới tiêu, diện tích đất được làm đất bằng máy theo yêu cầu của hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia; Diện tích nuôi trồng thủy sản; Nguồn và sử dụng lương thực để quan sát về an ninh lương thực để tính lại các chỉ tiêu sử dụng lương thực đã khác nhiều so với thời bao cấp.

G. Phân Thương mại, Dịch vụ và Giá cả

Phần này hiện nay có 15 biểu, bao gồm: (1) Tổng mức bán lẻ hàng hoá, doanh thu dịch vụ; (2) Doanh thu thương nghiệp dịch vụ; (3) Kết quả kinh doanh khách sạn, nhà hàng, du lịch lữ hành; (4) Xuất khẩu hàng hoá (tháng); (5) Nhập khẩu hàng hoá (tháng); (6) Tổng mức bán lẻ hàng hoá, doanh thu dịch vụ (năm); (7) Kết quả kinh doanh thương nghiệp, dịch vụ (năm); (8) Kết quả kinh doanh khách sạn, nhà hàng và du lịch lữ hành; (9) Doanh thu

thương nghiệp phân theo nhóm hàng (năm); (10) Khách du lịch do cơ sở lưu trú, cơ sở du lịch lữ hành phục vụ (năm); (11) Năng lực và kết quả hoạt động của các cơ sở lưu trú du lịch (năm); (12) Xuất khẩu hàng hoá (năm); (13) Nhập khẩu hàng hoá (năm); (14) Danh mục khách sạn, điểm cắm trại và các dịch vụ nghỉ trọ ngắn ngày (năm); (15) Danh mục doanh nghiệp có hoạt động thương nghiệp dịch vụ (năm). Chúng tôi đề xuất cải tiến như sau:

- Bỏ biểu:

+ Xuất, nhập khẩu hàng hoá với các châu lục, khối nước, nước/vùng lãnh thổ; Nhập khẩu với các châu lục, khối nước, nước/vùng lãnh thổ. 2 chỉ tiêu này để chuyển sang thu thập bằng chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

+ Chợ; Siêu thị, trung tâm thương mại. 2 chỉ tiêu này chuyển sang thu thập bằng chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Bộ Thương Mại do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

+ Số lượt khách quốc tế đến Việt Nam, để chuyển sang thu thập bằng chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Bộ Công An và Bộ Quốc phòng do Thủ tướng Chính phủ ban hành và báo cáo cho Tổng cục Thống kê.

- Bổ sung thêm các biểu: Chỉ số giá nguyên, nhiên vật liệu dùng cho sản xuất; Chỉ số giá sản xuất để tính giá so sánh thay cho bảng giá cố định.

H. Phần Giao thông vận tải

Phần này hiện có 5 biểu, bao gồm: (1) Kết quả hoạt động vận tải, bốc xếp, dịch vụ, đại lý vận tải và bưu chính viễn thông; (2) Kết quả hoạt động vận tải, kho bãi và bưu chính viễn thông; (3) Phương tiện vận tải có đến 31 tháng 12; (4) Số lượng doanh nghiệp và cơ sở cá thể vận tải, bốc xếp, dịch vụ, đại lý vận tải và bưu chính viễn thông có đến 31 tháng 12; (5) Giao thông công cộng đường bộ và đường sông có đến 31 tháng 12. Chúng tôi đề xuất cải tiến như sau:

- Bỏ biểu:

+ Kết quả hoạt động Bưu chính viễn thông. Chỉ tiêu này chuyển cho Bộ Thông tin và truyền thông thu thập, tổng hợp bằng chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Bộ, ngành do Thủ tướng Chính phủ ban hành để báo cáo cho Tổng cục Thống kê.

+ Phương tiện vận tải: Chỉ tiêu này chuyển cho Bộ Công an thu thập, tổng hợp bằng chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Bộ, ngành do Thủ tướng Chính phủ ban hành để báo cáo cho Tổng cục Thống kê.

+ Số lượng doanh nghiệp và cá thể vận tải, bốc xếp, dịch vụ, đại lý vận tải và bưu chính viễn thông. Chỉ tiêu này sẽ thu thập từ điều tra doanh nghiệp và điều tra cá thể hàng năm.

+ Giao thông công cộng đường bộ và đường sông. Chỉ tiêu này trong HTCTTKQG không yêu cầu Cục Thống kê tỉnh, thành phố phải thu thập, báo cáo.

+ Kết quả hoạt động vận tải, dịch vụ, đại lý vận tải và bưu chính viễn thông sửa tên thành Doanh thu vận tải bốc xếp, Khối lượng hành khách vận chuyển, luân chuyển, Khối lượng hàng hoá vận chuyển, luân chuyển. Phần Bưu chính viễn thông thì chuyển sang phần chế độ báo cáo của Bộ Thông tin và truyền thông và báo cáo cho Tổng cục Thống kê.

Y. Phân Giáo dục, y tế, mức sống dân cư

Phần này hiện có 14 biểu, bao gồm: (1) Giáo dục phổ thông đầu năm;

(2) Học sinh phổ thông chia theo lớp học đầu năm học; (3) Giáo dục mầm non đầu năm học; (4) Giáo viên và học sinh phổ thông giữa năm học; (5) Giáo dục không chính quy giữa năm học; (6) Học sinh thi tốt nghiệp phổ thông và giáo dục không chính quy cuối năm học; (7) Cơ sở vật chất các trường đại học, cao đẳng; (8) Cơ sở vật chất các trường trung học chuyên nghiệp; (9) Cán bộ công nhân viên chức, giảng viên các trường đại học, cao đẳng; (10) Cán bộ công nhân viên chức, giáo viên các trường trung học chuyên nghiệp; (11) Học viên, sinh viên, học sinh các trường đại học cao đẳng; (12) Học sinh các trường trung học chuyên nghiệp; (13) Học viên, sinh viên, học sinh tốt nghiệp các trường đại học, cao đẳng; (14) Học sinh tốt nghiệp các trường trung học chuyên nghiệp. Chúng tôi đề xuất cải tiến như sau:

- Bỏ các biểu:

+ Giáo dục phổ thông đầu năm học; Học sinh phổ thông chia theo lớp đầu năm học; Giáo dục mầm non đầu năm học; Giáo viên và học sinh phổ thông giữa năm học; Giáo dục không chính quy giữa năm học; Học sinh thi tốt nghiệp phổ thông và giáo dục không chính quy cuối năm học; Cơ sở vật chất các trường đại học, cao đẳng; Cơ sở vật chất các trường trung học chuyên nghiệp; Cán bộ công nhân viên chức, giảng viên các trường đại học, cao đẳng; Cán bộ công nhân viên chức, giáo viên các trường trung cấp chuyên nghiệp; Học sinh, sinh viên, học sinh các trường đại học, cao đẳng; Học sinh các trường trung học chuyên nghiệp; Học viên, sinh viên, học sinh tốt nghiệp các trường đại học, cao đẳng; Học sinh tốt nghiệp các trường trung học chuyên nghiệp. Các biểu mẫu trên sẽ chuyển sang thu thập qua chế độ

báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo do Thủ tướng Chính phủ ban hành và Bộ báo cáo cho Tổng cục Thống kê.

+ Hoạt động thể dục thể thao quần chúng; Vận động viên thể thao đẳng cấp cao; Huy chương thi đấu thể thao quốc tế; Cán bộ thể dục thể thao; Công trình tập luyện và thi đấu thể dục thể thao có khán đài; Công trình tập luyện và thi đấu thể dục thể thao không có khán đài. Các biểu này sẽ chuyển sang thu thập qua chế độ báo cáo thống kê tổng hợp do Thủ tướng Chính phủ ban hành áp dụng đối với Bộ Văn hoá, thể thao và du lịch.

+ Cơ sở y tế và giường bệnh; Hoạt động khám chữa bệnh; Cán bộ y tế; Bệnh lây. Các biểu mẫu này sẽ chuyển sang thu thập bằng chế độ báo cáo thống kê tổng hợp do Thủ tướng Chính phủ ban hành áp dụng đối với Bộ y tế.

- Bổ sung biểu: Thiếu đói trong nông dân; Chỉ số phát triển con người; Chỉ số phát triển giới; Tỷ lệ nữ đảm nhiệm các chức vụ lãnh đạo ở doanh nghiệp. Đây là theo yêu cầu của Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia.

Sau khi nghiên cứu chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với các Cục Thống kê tỉnh, thành phố hiện hành của các chuyên ngành, Cục Thống kê phải báo cáo là 102 biểu. Theo đề xuất của chúng tôi, số biểu chỉ còn 45 (tức là giảm được 58 biểu) chiếm khoảng 58 %, giảm gánh nặng cho địa phương, để địa phương tập trung vào những chỉ tiêu chủ yếu; còn các chỉ tiêu khác sẽ thông qua chế độ báo cáo do Thủ tướng Chính phủ ban hành áp dụng đối với các Bộ, ngành (theo QĐ số 111/2008/QĐ-TTg ngày 15 tháng 8 năm 2008) và sau đó các Bộ, ngành ban hành chế độ cơ sở cho các đơn vị thuộc ngành quản lý theo ngành, lĩnh vực và Tổng cục Thống kê là đơn vị thẩm định chế độ báo cáo cơ sở này của các Bộ, ngành trước khi ban hành áp dụng đối với các đơn vị sở, ban ngành thuộc tỉnh, sẽ yêu cầu và ghi rõ trong Quyết định là các đơn vị cơ sở khi gửi báo cáo cho Bộ, ngành đồng gửi cho Cục Thống kê tỉnh, thành phố.

Việc ban hành chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Cục Thống kê tỉnh, thành phố theo 01 Quyết định chung cho tất cả các ngành hay từng Quyết định cho từng chuyên ngành vấn đề này chỉ mang tính kỹ thuật chứ không ảnh hưởng gì tới nội dung của chế độ. Theo quan điểm của Ban chủ nhiệm thì nên ban hành 01 chế độ sẽ tốt cho việc cân đối, thống nhất giữa các lĩnh vực với tài khoản quốc gia...

DANH MỤC CHỈ TIÊU CẢI TIẾN

STT	Tên biểu	Kỳ báo cáo
	I. LAO ĐỘNG, VIỆC LÀM	
1	1. Lực lượng lao động	Năm
2	2. Lao động đang làm việc	Năm
3	3. Thu nhập bình quân 1 lao động việc làm	- Khu vực NN: 6 tháng - Toàn bộ nền kinh tế: năm
	II. ĐẦU TƯ	
4	1. Vốn đầu tư thực hiện do địa phương quản lý thuộc nguồn vốn nhà nước;	Tháng
5	2. Vốn đầu tư thực hiện do địa phương quản lý phân theo nguồn vốn và khoản mục, ngành kinh tế (địa bàn)	6 tháng, năm
6	3. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đăng ký mới và bổ sung	Tháng, quý, năm
7	4. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện	6 tháng, năm
	III. TÀI KHOẢN QUỐC GIA	
8	1. Giá trị sản xuất, chi phí trung gian, giá trị tăng thêm (giá thực tế, giá so sánh)	Năm (ước tính và chính thức)
9	2. Chi phí trung gian theo yếu tố (giá thực tế)	Năm
	IV. CÔNG NGHIỆP VÀ XÂY DỰNG	
10	1. Giá trị sản xuất công nghiệp (giá thực tế, giá so sánh)	Tháng, quý, năm
11	2. Sản lượng sản phẩm công nghiệp chủ yếu	Tháng, quý, năm
12	3. Chỉ số sản xuất công nghiệp	Tháng, quý, năm
13	4. Giá trị sản xuất ngành xây dựng (giá thực tế, giá so sánh)	Quý, năm
14	5. Số lượng nhà ở và diện tích sàn xây dựng nhà ở mới đã hoàn thành	Năm
	V. NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN	
15	1. Số HTX	Năm
16	2. Số trang trại	Năm
17	3. Diện tích, năng suất, sản lượng cây hàng năm (phân theo loại hình và huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh)	Vụ, năm

STT	Tên biểu	Kỳ báo cáo
18	4. Diện tích, năng suất, sản lượng cây lâu năm (phân theo loại hình và huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh)	Năm
19	5. Số lượng và sản lượng sản phẩm gia súc, gia cầm và vật nuôi khác	Năm
20	6. Diện tích nuôi trồng thủy sản	6 tháng, năm
21	7. Sản lượng thủy sản	Quý, năm
22	8. Diện tích rừng trồng tập trung	6 tháng, năm
23	9. Sản lượng gỗ và lâm sản khác	6 tháng, năm
24	10. Thiệt hại rừng	6 tháng, năm
25	11. Diện tích đất nông nghiệp được tưới tiêu, được làm đất bằng máy	Năm
26	12. Nguồn và sử dụng lương thực	Năm
27	13. Giá trị sản phẩm thu hoạch trên 1ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản	Năm
28	14. Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản (giá thực tế, giá so sánh)	6 tháng, năm
	VI. THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ GIÁ CẢ	
29	1. Tổng mức bán lẻ hàng hoá	Tháng, quý, năm
30	2. Doanh thu dịch vụ ăn uống	Tháng, quý, năm
31	3. Chỉ số giá nguyên, nhiên vật liệu dùng cho sản xuất	Quý, năm
32	4. Chỉ số giá của người sản xuất	Quý, năm
33	5. Khách du lịch trong nước	6 tháng, năm
34	6. Chi tiêu của khách du lịch	Năm
35	7. Số lượng, năng lực và công xuất sử dụng cơ sở lưu trú	Năm
	VII. GIAO THÔNG VẬN TẢI	
36	1. Doanh thu vận tải, bốc xếp	Tháng, quý, năm
37	2. Khối lượng hành khách vận chuyển, luân chuyển	Tháng, quý, năm
38	3. Khối lượng hàng hoá vận chuyển, luân chuyển	Tháng, quý, năm
	VIII. GIÁO DỤC, Y TẾ, MỨC SỐNG DÂN CƯ	
39	1. Tỷ lệ đi học phổ thông	Năm
40	2. Số thầy thuốc, số bác sỹ bình quân 10.000 dân	Năm

STT	Tên biểu	Kỳ báo cáo
41	3. Số người tàn tật	Năm
42	4. Chỉ số phát triển con người	2 năm
43	5. Tỷ lệ nhân khẩu thiếu đói	Tháng
44	6. Chỉ số phát triển giới	2 năm
45	7. Tỷ lệ nữ đảm nhiệm các chức vụ lãnh đạo ở doanh nghiệp	Năm

PHẦN III HỆ THỐNG BIỂU MẪU ĐỀ XUẤT

Từ đề xuất nêu trên, có thể khái quát Hệ thống biểu mẫu đề xuất trong chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được cải tiến như sau: (danh mục biểu mẫu kèm theo).

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Việc nghiên cứu cải tiến chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là sự cần thiết và có tính cấp bách. Để đáp ứng nhu cầu thông tin thống kê ngày càng tăng cả về số lượng và chất lượng cũng như các đối tượng sử dụng tin của xã hội ngày một tăng lên. Mong muốn thì rất nhiều nhưng với giới hạn của đề tài này Ban chủ nhiệm đã nghiên cứu đánh giá thực trạng áp dụng của chế độ báo cáo thống kê và đã đưa ra nguyên tắc cải tiến và hệ thống biểu mẫu báo cáo của từng chuyên ngành, từ đó đã giảm nhẹ gánh nặng cho Cục Thống kê trong việc báo cáo Tổng cục Thống kê, có điều kiện tập trung vào việc thu thập, tổng hợp tính toán và báo cáo những chỉ tiêu quan trọng nhất, phù hợp với chức năng chủ yếu của ngành Thống kê, theo mô hình tập trung kết hợp với phân tán.

Tuy nhiên, đây là vấn đề phức tạp, do vậy việc cải tiến chế độ báo cáo này cần phải tập trung được trí tuệ của toàn ngành. Đề tài của chúng tôi chỉ là một phần đóng góp nhỏ, nhằm cung cấp thêm tài liệu tham khảo. Song, đây là một tài liệu quan trọng vì trong quá trình tiến hành nghiên cứu đề tài này chúng tôi đã tập hợp ý kiến của tất cả các Vụ chuyên ngành trong Tổng cục mà các Vụ là các đơn vị trực tiếp sử dụng chế độ báo cáo theo từng chuyên ngành để hướng dẫn các Cục Thống kê thu thập, tổng hợp và báo cáo cho Tổng cục. Nhưng nội dung của đề tài mới đưa ra những quan điểm và ý tưởng cơ bản nhất dựa trên thực tế áp dụng chế độ này với quan điểm có tính pháp lý của Luật Thống kê. Để hoàn thiện và đưa vào sử dụng, trong thời

gian tới đòi hỏi phải tiếp tục đầu tư nhân tài, vật lực của cả ngành thì mới có được sản phẩm như mong muốn.

Sau khi chế độ báo cáo thống kê tổng hợp được xây dựng, hoàn thiện thì sẽ trình cấp có thẩm quyền và cấp đó là Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê ban hành áp dụng thống nhất trên phạm vi toàn quốc. Quyết định ban hành chế độ báo cáo thống kê là văn bản quy phạm pháp luật vì áp dụng chung trên toàn quốc, tồn tại trong nhiều năm và là văn bản hướng dẫn nghiệp vụ. Hơn thế nữa, Tổng cục Thống kê không còn là cơ quan thuộc Chính phủ và đã được Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư uỷ quyền cho đồng chí Thứ trưởng kiêm Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê phụ trách nên văn bản này sẽ do Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê ký ban hành.

Chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với các Cục Thống kê tỉnh, thành phố này được ban hành thì phải triển khai hướng dẫn, tập huấn đến tận các phòng nghiệp vụ của Cục Thống kê để áp dụng thống nhất trong toàn ngành. Để có được nguồn thông tin thu thập qua chế độ báo cáo này thì Tổng cục Thống kê còn phải tiếp tục cải tiến một số chế độ báo cáo khác như: chế độ báo cáo thống kê cơ sở áp dụng cho doanh nghiệp nhà nước và chế độ báo cáo áp dụng đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, cải tiến phương án điều tra và tiến hành chuẩn hoá khái niệm, nội dung, phương pháp tính của các chỉ tiêu trong HTCTTKQG và trong HTCTTK cấp tỉnh. Một vấn đề quan trọng hơn là cần quy định các chỉ tiêu trong chế độ báo cáo và trong các cuộc điều tra phải bảo đảm thống nhất cả về nội dung, phương pháp tính và phạm vi thu thập có như vậy thì mới nâng cao chất lượng số liệu thống kê.

Ngoài ra sau một thời gian sử dụng (ít nhất là 5 năm) cũng cần phải thường xuyên tổng kết, rút kinh nghiệm để có sự điều chỉnh kịp thời cho phù hợp với thực tế theo nguyên tắc mở mà đề tài đưa ra ở phần trên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật thống kê;
2. Chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng cho các Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương của 8 chuyên ngành ban hành từ năm 2002 - 2003;
3. Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia.